LỜI MỞ ĐẦU

Tính đến nay nền kinh kế thị trường ở nước ta đã trải qua hơn hai mươi năm. Khoảng thời gian chưa phải là dài nhưng cũng đủ cho doanh nghiệp tự nhận thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Trong môi trường mới này các doanh nghiệp không còn được nhà nước bao cấp cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nữa mà phải tự xây dựng cho mình các mục tiêu và kế hoạch để thực hiện các mục tiêu kinh tế đó. Vì thế, vấn đề đặt ra mà các doanh nghiệp đề quan tâm là vốn để sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình đấu tranh tồn tại để khẳng định mình, một số doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn ngày càng khốc liệt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chính vì lẽ đó mà doanh nghiệp phải tìm cách khai thác triệt để các tiềm năng của bản thân mình và chính sách tài chính để đạt được mục đính tối đa hóa lợi nhuận. Vốn bằng tiền là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là tài sản lưu động giúp các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dùng tiền để thanh toán những khoản công nợ của mình. Vậy một doanh nghiệp muốn hoạt động sản xuất kinh doanh được thì cần phải có một lượng vốn cần thiết, lượng vốn đó phải gắn liền vơi quy mô sản xuất kinh doanh nhất định và phải có sự quản lí đồng vốn tốt để làm cho việc xử lí đồng vốn có hiệu quả. Vì vậy thực hiện công tác vốn bằng tiền là vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập được nghiên cứu thực tiễn cụ thể em đã cân nhắc và mạnh dạn chọn đề tài " **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải** " làm luận văn tốt nghiệp. Luận văn này ngoài việc hệ thống hóa những vấn đề liên quan đến hạch toán vốn bằng tiền còn nhằm đưa ra những ý kiến chủ quan của mình vào việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán. Bên cạnh đó nhằm củng cố nâng cao kiến thức và góp phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính của doanh nghiệp.

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương I : Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tại biển Hồng Hải.

Chương III : Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã được sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo **Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ** và các cô, chú cán bộ trong phòng kế toán của công ty, mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó em rất mong nhận được sự đóng góp phê bình của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2012

Sinh viên: **Nguyễn Huy Cường**

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết của tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Đối với mỗi doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần có một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lí và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro cao hơn các loại tài sản khác vì vậy nó cần được quản lí chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lí khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lí kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép phản ánh, tính toán giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lí trong sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lí doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để từ đó có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.2 Yêu cầu của quản lí kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Để quản lí tốt vốn bằng tiền trong doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người nay thông qua việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt.
- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3 Nhiệm vụ của quản lí kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền.
- Kiểm tra thường xuyên tình hình thực hiện chế độ sử dụng và quản lí vốn bằng tiền, kỉ luật thanh toán, kỉ luật tín dụng. Phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, kiểm tra thường xuyên đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời. Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng tiền đang chuyển kịp thời.

- Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám đốc việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

1.1.4 Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác ghi chép báo cáo kế toán nhưng phải được chấp nhận bằng văn bản của Bộ tài chính.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có TK 1112, 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

- Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của một doanh nghiệp theo các tỷ giá hối đoái khác với tỷ giá hối đoái được ghi nhận ban đầu, hoặc đã được báo cáo trong báo cáo tài chính trước, được xử lí như sau:

+ Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng hình để thành TSCĐ của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được ghi nhận là thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính.

+ Đối với doanh nghiệp có sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữ ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kì đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kì kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch được thanh toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phát sinh trong các trường hợp: Thực tế mua, bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện): Là khoản chênh lệch từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng đơn vị tiền tệ khác sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái này thường phát sinh trong các dịch vụ mua, bán hàng hóa, dịch vụ; hoặc thanh toán nợ phải trả, hay ứng trước để mua hàng; hoặc vay, cho vay… bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán. Trong các trường hợp nêu trên, tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán sẽ được ghi theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch).

- Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương

pháp xuất kho: Bình quân gia quyền, nhập trước - xuất trước, nhập sau- xuất trước, giá thực tế đích danh. Tuy nhiên, do vàng bạc, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515, hoặc TK 635.

Nếu thực hiện đúng các nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu, chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2 Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ

- Chỉ phản ánh vào TK 111 số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất, quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển ngay vào ngân hàng không qua quỹ tiền mặt thì ghi vào bên Nợ TK 112.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất, vàng bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải chịu trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý và tính ra số tồn quỹ mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ phải theo dõi riêng một sổ hay một phần sổ.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu, sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp chênh lệch.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở các doanh nghiệp có vàng bạc , kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đong, đo, đếm số lượng và trọng lượng, giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong, có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

1.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu : Mẫu số 01-TT.
- Phiếu chi : Mẫu số 02-TT.
- Biên lai thu tiền : Mẫu số 06-TT.
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý : Mẫu số 07-TT.
- Giấy đề nghị thanh toán: : Mẫu số 05-TT.

- Ngoài các chứng từ bắt buộc trên, kế toán còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn sau:

- Bảng kiểm kê quỹ : Mẫu số 08a-TT, Mẫu số 08b-TT.
- Bảng kê chi tiền : Mẫu số 09-TT.
- Một số chứng từ có liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán tổng hợp thu- chi tiền mặt, kế toán sử dụng TK 111 "Tiền mặt" để hạch toán. Nội dung kết cấu TK 111 như sau :

⌖ Bên Nợ TK 111:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

- Bên Có TK 111 :
  - Các loại tiền mặt, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý xuất quỹ.
  - Số tiền mặt còn thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.
- Số dư đầu kì : Phản ánh số hiện còn tại quỹ.
- Số dư cuối kì : Phản ánh số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý còn tồn tại quỹ.

Tài khoản TK 111- Tiền mặt được chi tiết thành 3 TK cấp II.

- TK 1111 - Tiền Việt Nam
- TK 1112 - Ngoại tệ
- TK 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2.3 Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ.

a) Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam

☞ *Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:*

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)

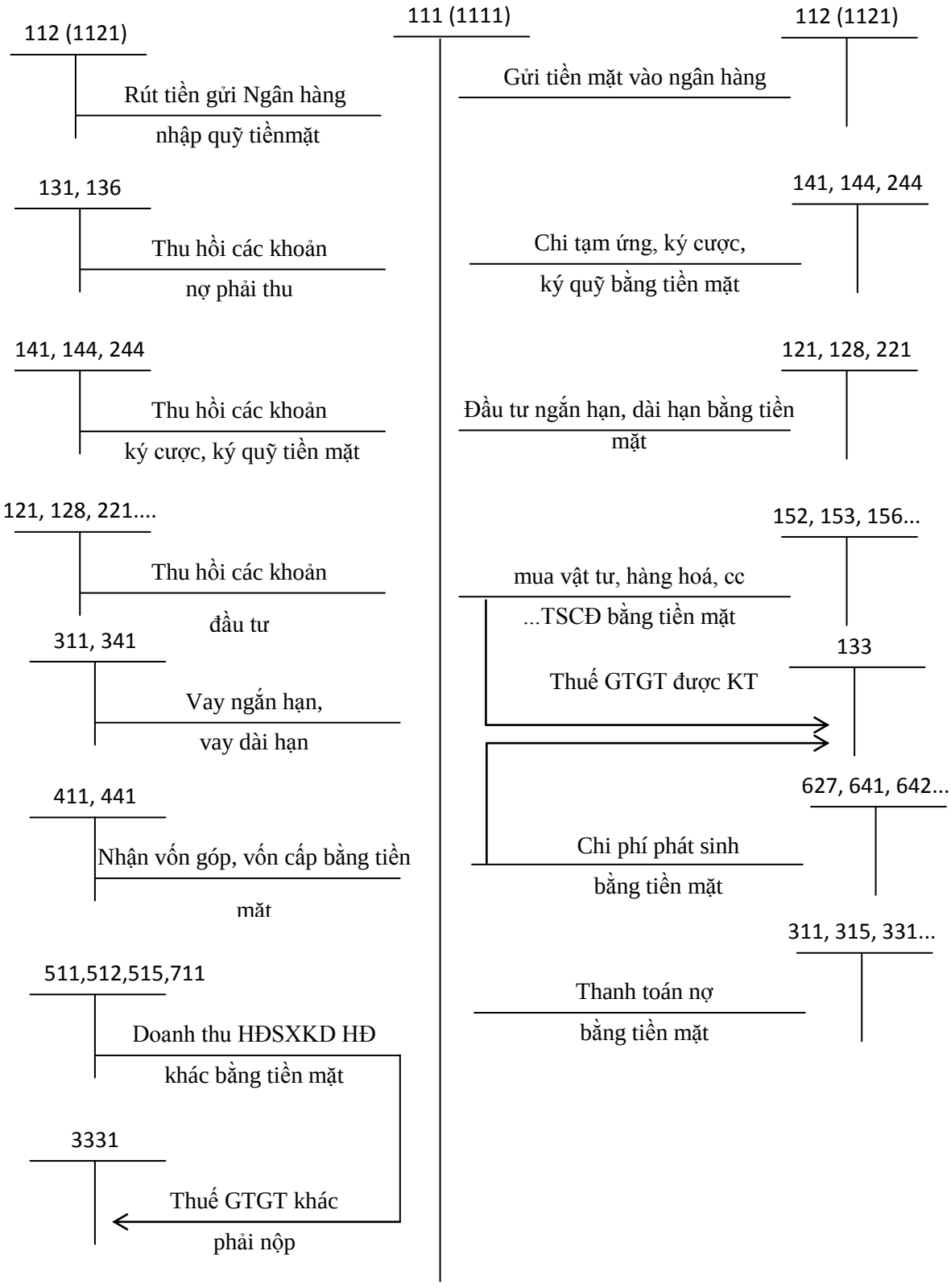

b) Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

- Bên Có tài khoản 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán Tài khoản 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Tiền mặt bằng ngoại tế ngoài việc được quy đổi ra Đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại trên Tài khoản 007 " Ngoại tệ các loại " (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

- Việc quy đổi ra Đồng Việt Nam cần tuân thủ những quy định sau :

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí thu nhập, vật tư hàng hóa, tài sản cố định… dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- Các doanh nghiệp ít có nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các khoản tiền, các tài khoản phải thu , phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

☞ *Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau :*

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ

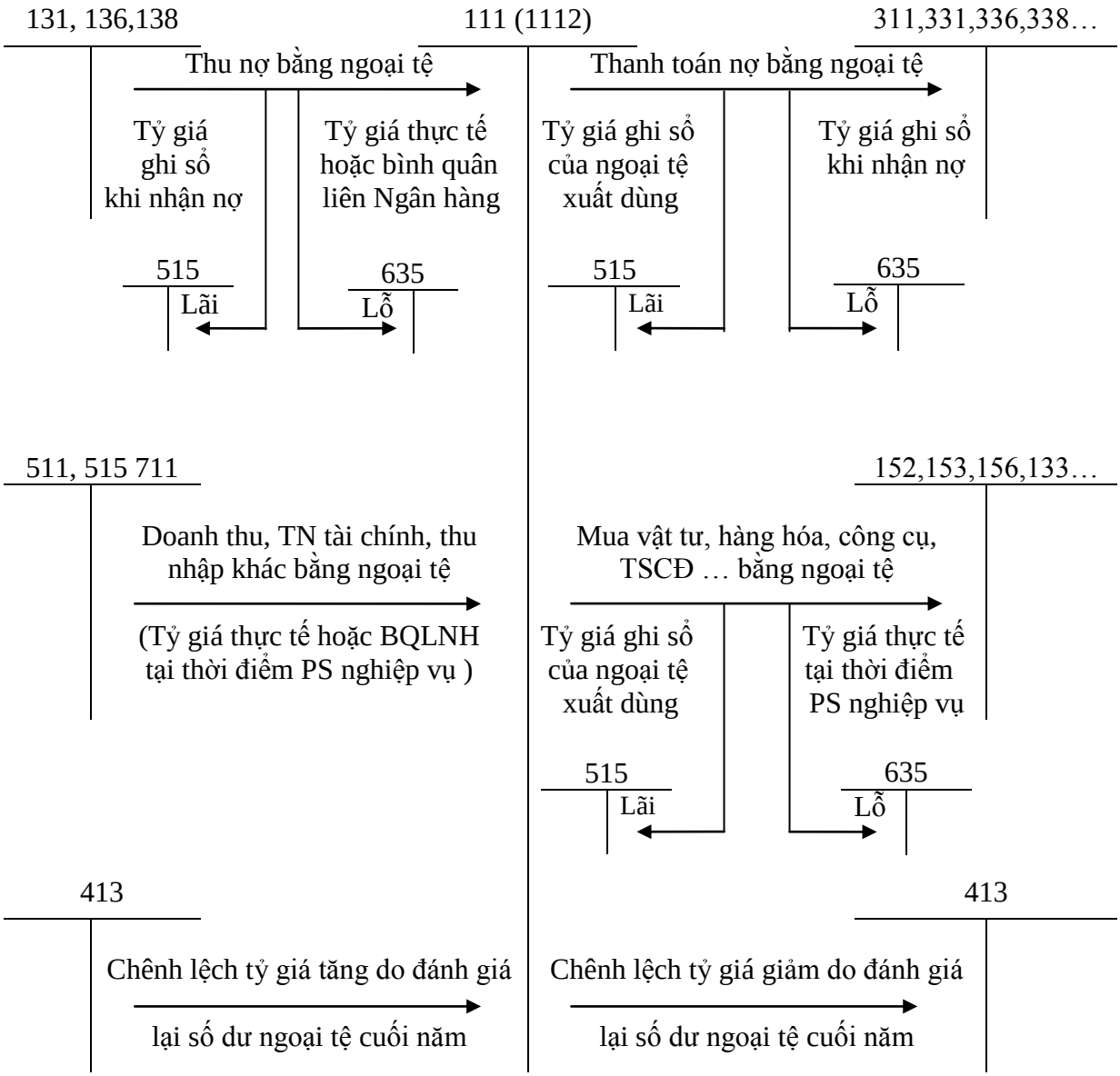

Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, Tn tài chính - TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ… bằng ngoại tệ

c) Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Đối với các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý, chỉ có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán…

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc.

- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (Giá thanh toán).

- Khi xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào tài khoản 711: Thu nhập khác hoặc tài khoản 811: Chi phí khác.

- Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại theo giá đó và phải đếm số lượng và cân trọng lượng.

Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau :

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý

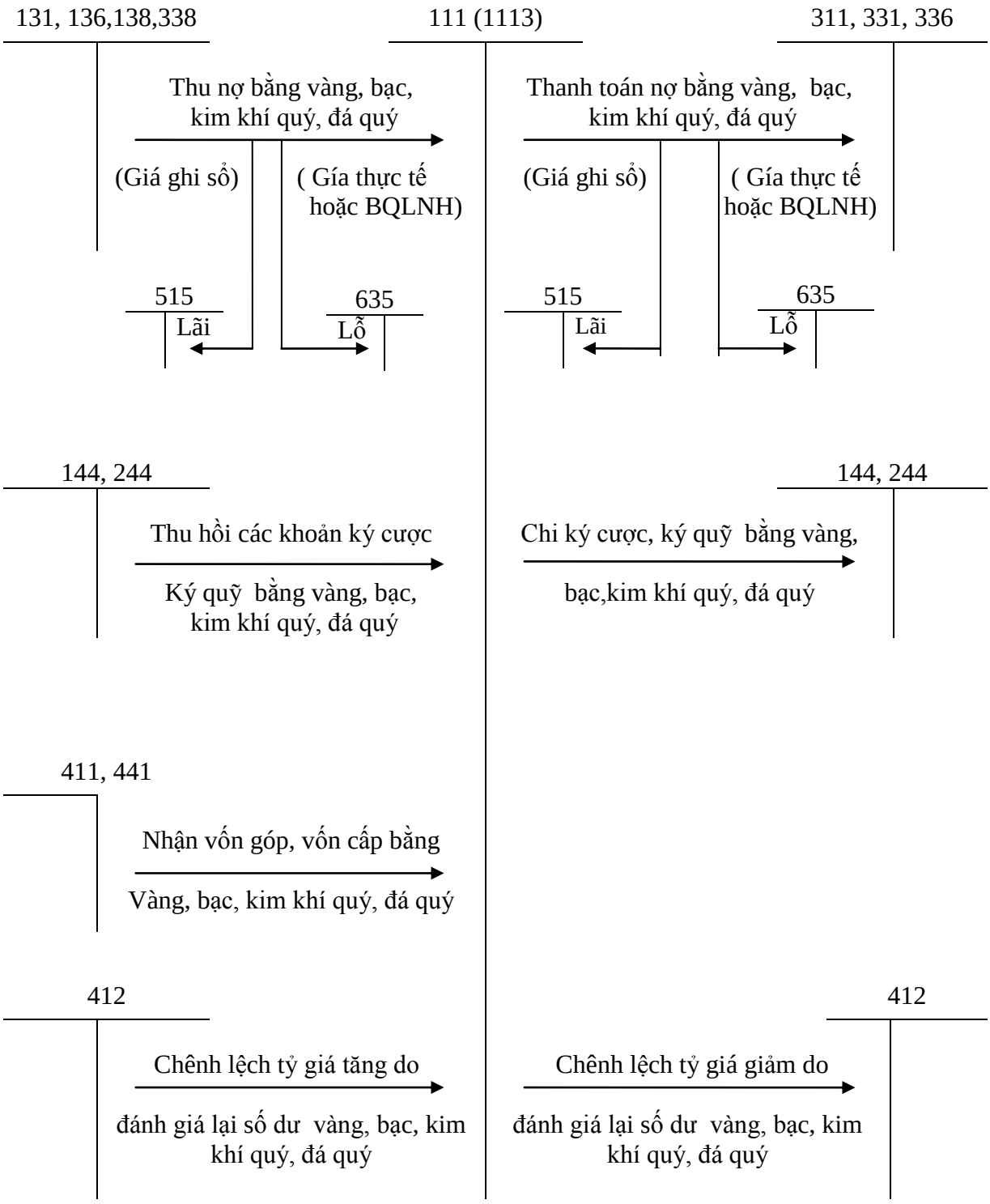

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1 Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng.

a) Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 " Tiền gửi ngân hàng " là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản…)

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch(nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 " Phải thu khác" (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 " Phải trả, phải nộp khác" (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi ngân hàng theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp nếu dùng ký quỹ, mở LC nhập khẩu… nghĩa là doanh nghiệp không được phép chi khoản tiền gửi đó cho mục đích khác, thì kế toán phải chuyển tiền quỹ sang khoản " thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn" TK 144 hoặc "ký cược, ký quỹ dài hạn" TK 244 (Nếu ký trên 01 năm).

b) Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

- Trường hợp gửi tiền gửi vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo thực tế phải trả. Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được phản ánh vào bên Có TK 515 " doanh thu hoạt động tài chính" (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 " chi phí tài chính" (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch liên quan đến ngoại tệ này được hạch toán vào tài khoản TK 413 " chênh lệch tỷ giá hối đoái " (TK 4132) Ngoài ra để theo dõi chi tiết các loại ngoại tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư

- XDCB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất kinh doanh vào TK 4131.

1.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng :

- Giấy báo Nợ.
- Giấy báo Có.
- Bản sao kê của ngân hàng.
- Kèm theo các chứng từ khác như Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản…

❖ Tài khoản sử dụng :

Để hạch toán tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 " Tiền gửi ngân hàng". Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc công ty tài chính.

TK 112- Tiền gửi ngân hàng có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1121- Tiền Việt Nam : Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- TK 1122- Ngoại tệ : Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK 1123 - Vàng bạc kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng.

⊕ Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số tiền dư ngoại tệ cuối kỳ.

⊕ Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số tiền dư ngoại tệ cuối kỳ.

⊕ Số dư bên Nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

Các tài khoản có liên quan được sử dụng trong hạch toán tỷ giá ngoại tệ là :

➢ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

➢ TK 515: Thu nhập từ hoạt động tài chính.

➢ TK 413: Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá.

1.3.2 Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

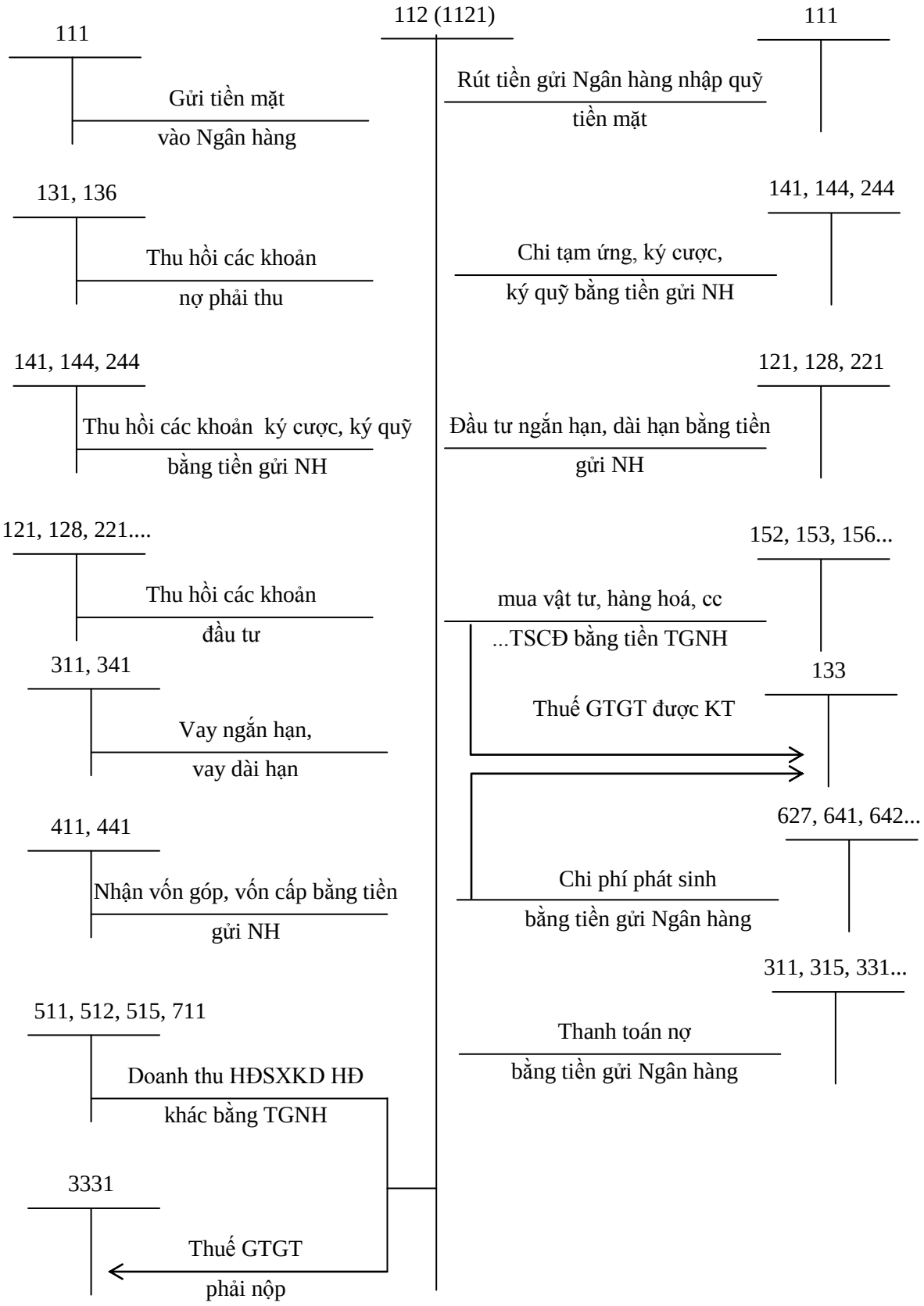

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

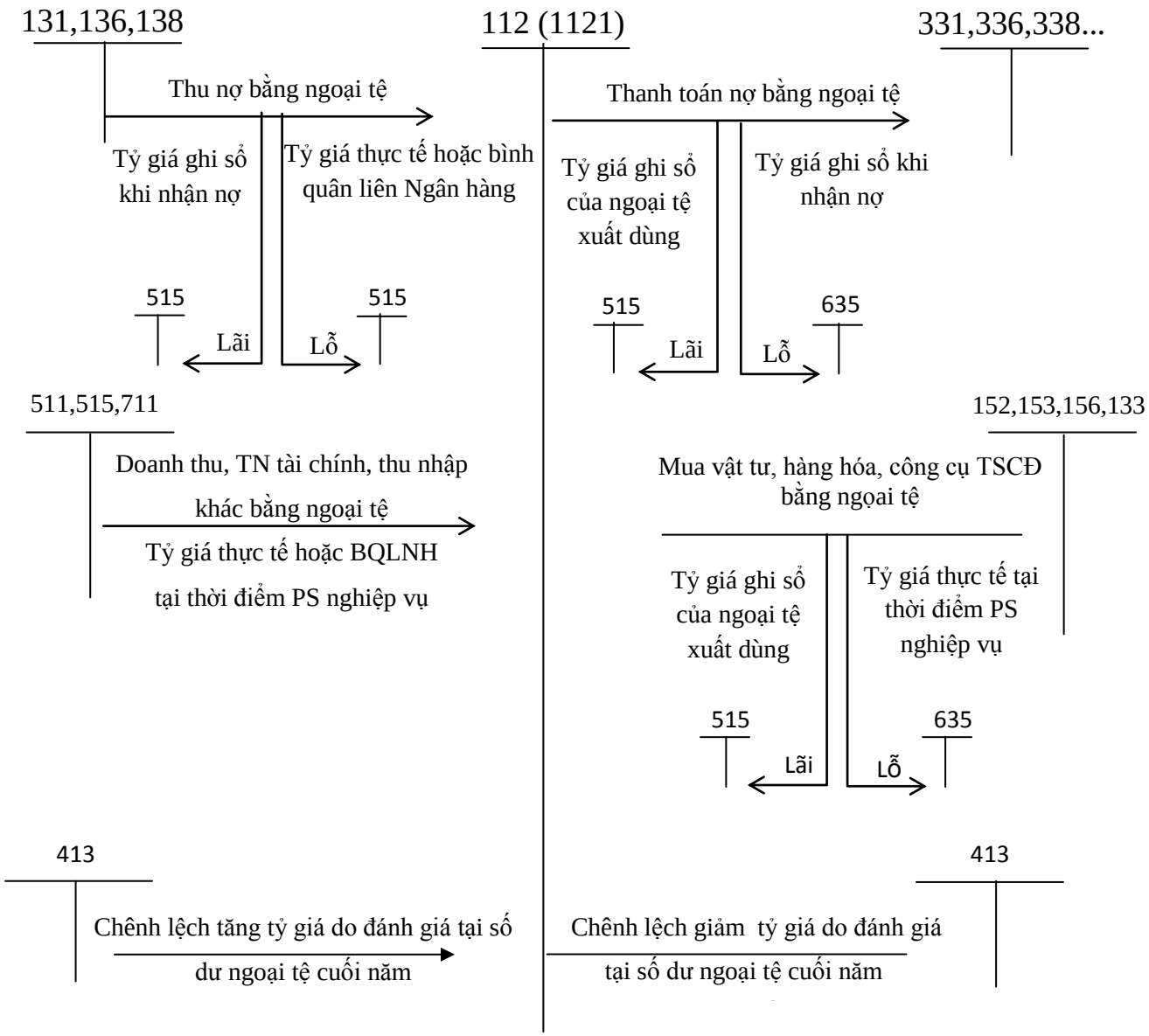

Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại

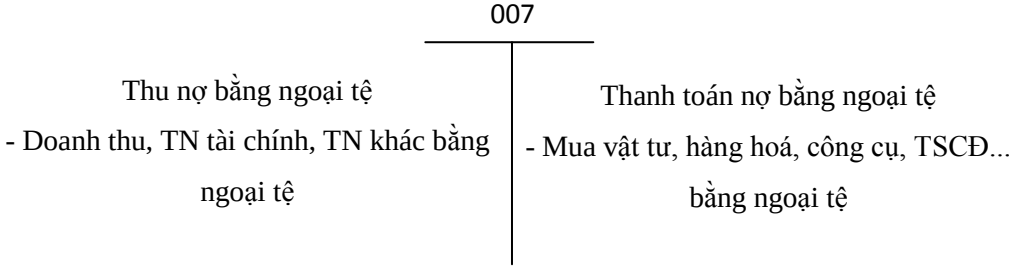

1.4 Kế toán tiền đang chuyển.

1.4.1 Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay Bản sao kê của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền cho bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc giấy báo Có. Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai sót kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

1.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng :

- Giấy nộp tiền.
- Biên lai thu tiền.
- Phiếu chuyển tiền.
- Kèm theo các chứng từ khác như Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản…

❖ Tài khoản sử dụng :

Kế toán tổng hợp sử dụng TK 113- Tiền đang chuyển để phản ánh số tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Kết cấu và nội dung phản ánh tiền đang chuyển :

⌖ Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số tiền dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

⌖ Bên Có:

- Số kết chuyển vào tài khoản 112- tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số tiền dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

⌖ Số dư bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác: Tk 111, 112, 131, 511…

TK 113- Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2

- TK 1131- Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132- Ngoại tệ: Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển.

1.4.3 Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển.

Sơ đồ 1.6. Kế toán tiền đang chuyển

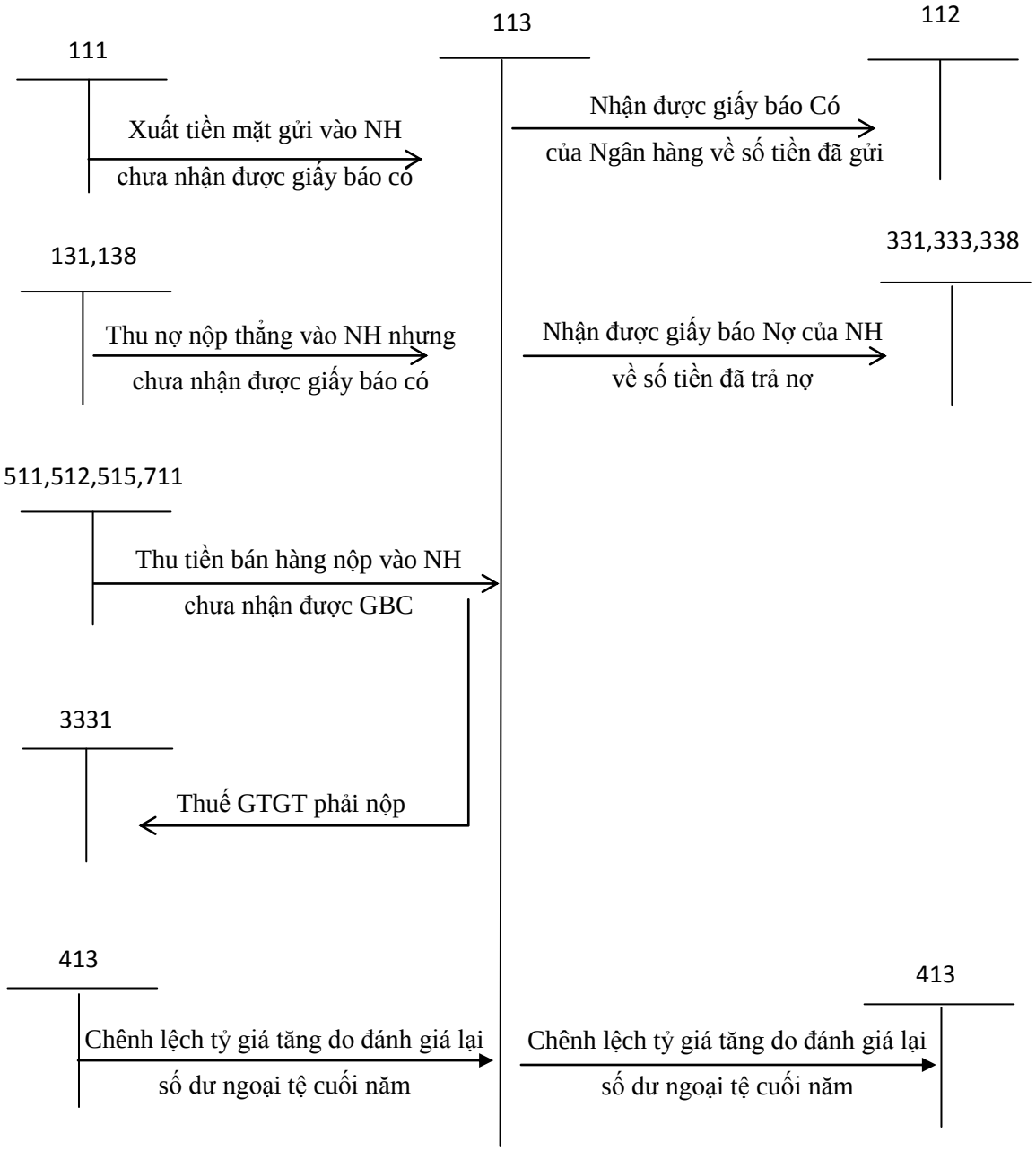

1.5 Tổ chức vận dụng sổ sách hệ thống kế toán vào tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm : số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt đông tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ công tác kế toán.

Hiện nay theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán như sau : Nhật ký chung, Nhật ký- chứng từ, Nhật ký- sổ cái, Chứng từ ghi sổ và Kế toán máy.

1.5.1 *Hình thức Nhật ký chung*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ : phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi…trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng với việc ghi sổ nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh còn được ghi vào sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Sổ nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán nhật ký chung:

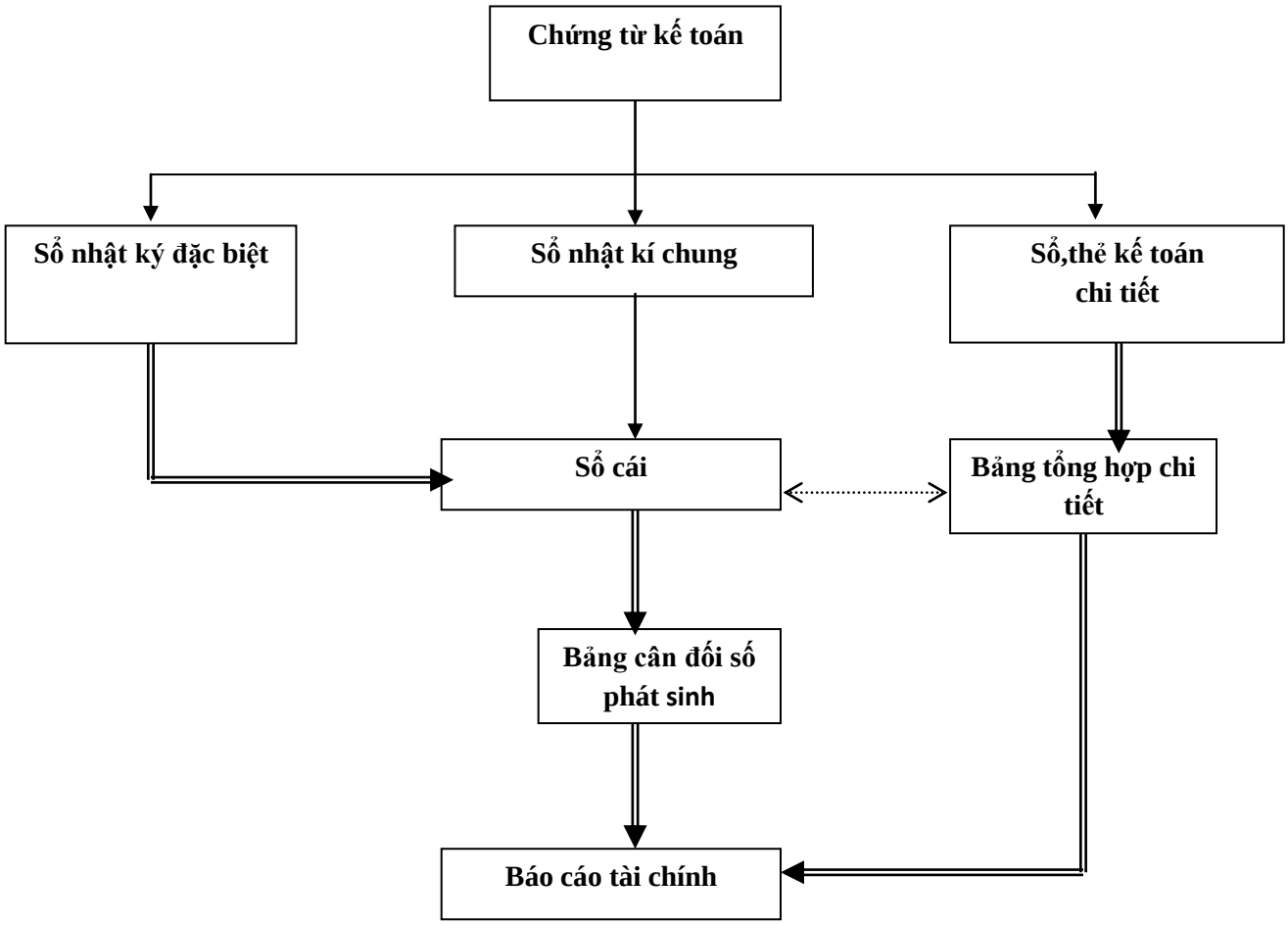

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi hàng tháng

Quan hệ đối chiếu

1.5.2 Hình thức Nhật ký sổ cái

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc: bảng kê thu tiền, chi tiền, kế toán ghi vào nhật ký sổ cái, sau đó vào sổ thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng phải khóa sổ và tiến hành đối chiếu khớp đúng số liệu giữa Nhật ký – sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – sổ cái : các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh

tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ Nhật ký – sổ cái

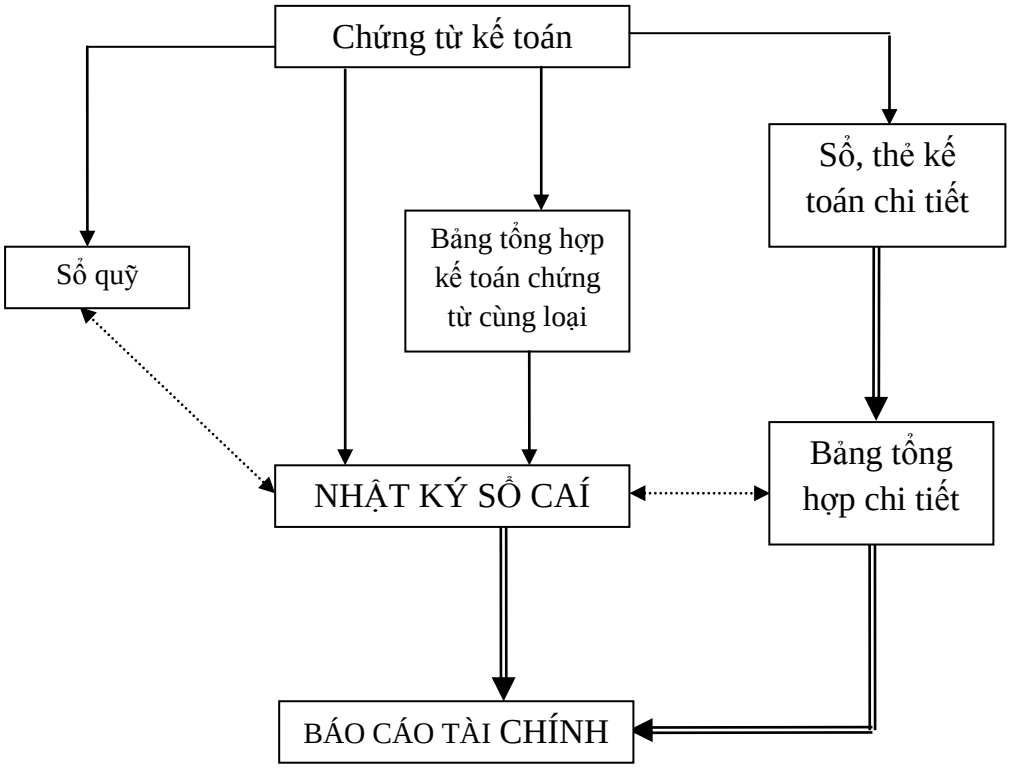

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi hàng tháng

Quan hệ đối chiếu

1.5.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ". Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc từng năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi…hoặc bảng kê thu, chi tiền kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tính ra Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập Bảng cân đối phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ theo Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

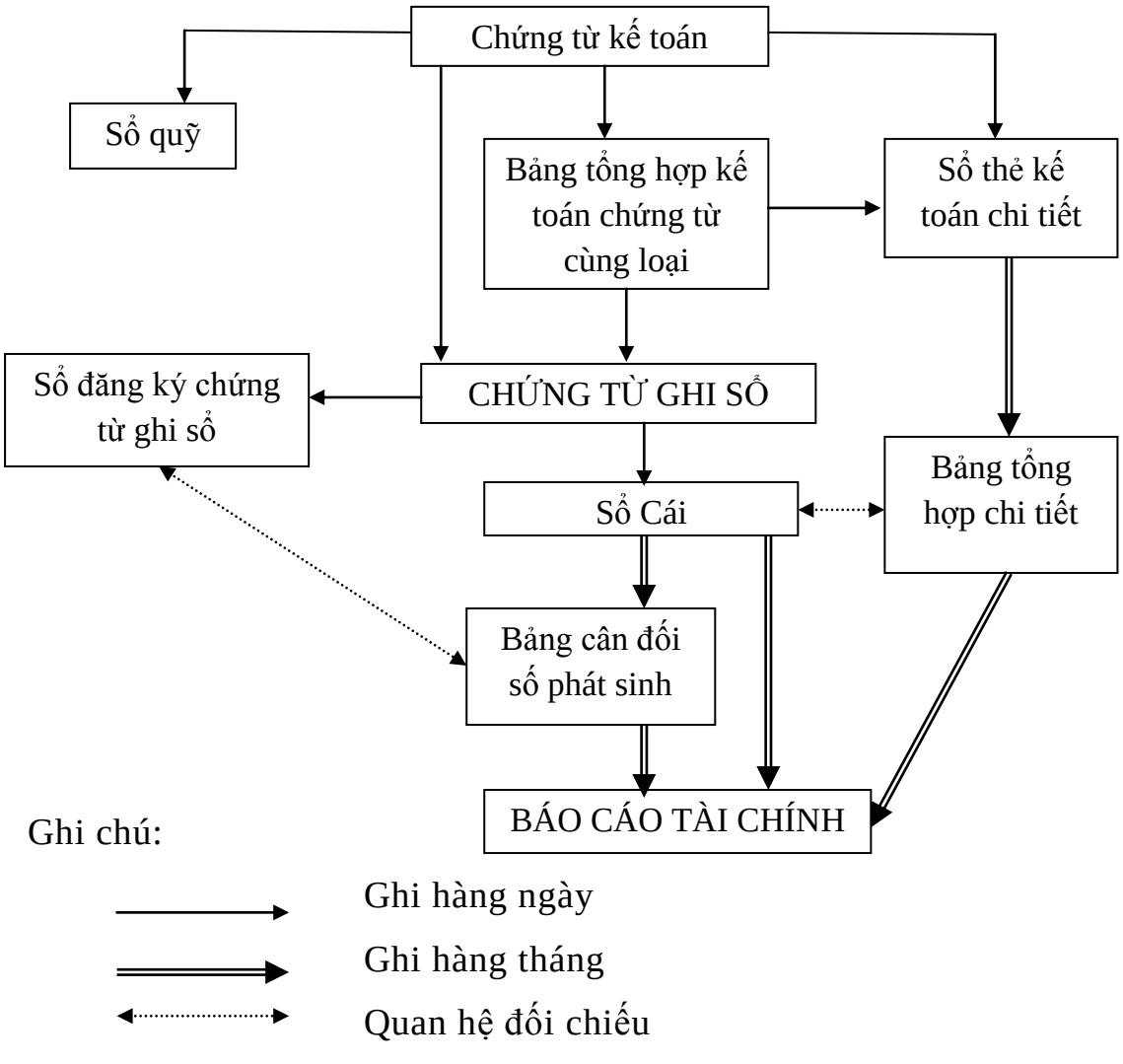

1.5.4 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký– Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại cho phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chát phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan.

Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật Ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ theo Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

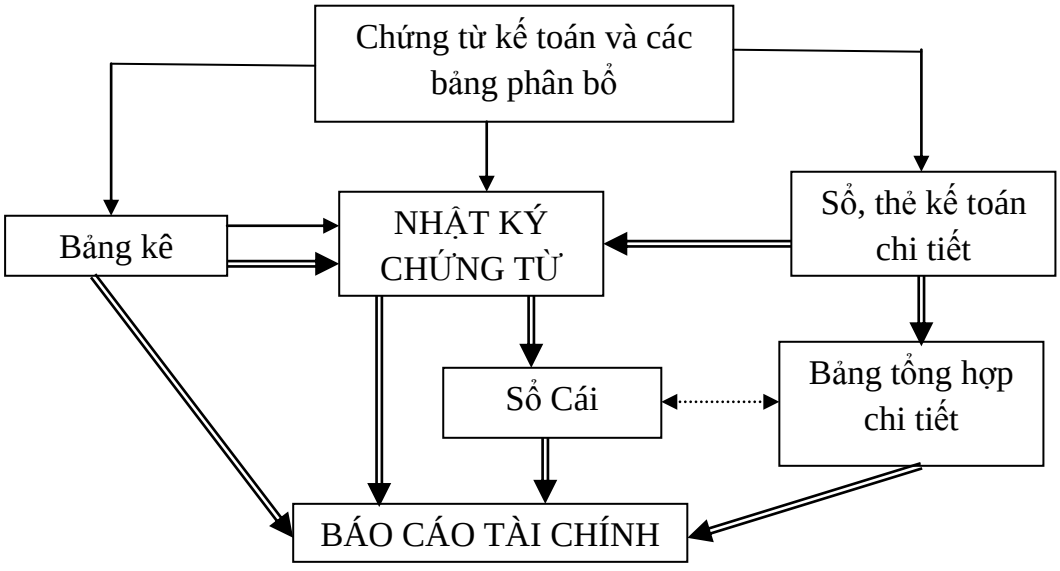

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi hàng tháng

Quan hệ đối chiếu

1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

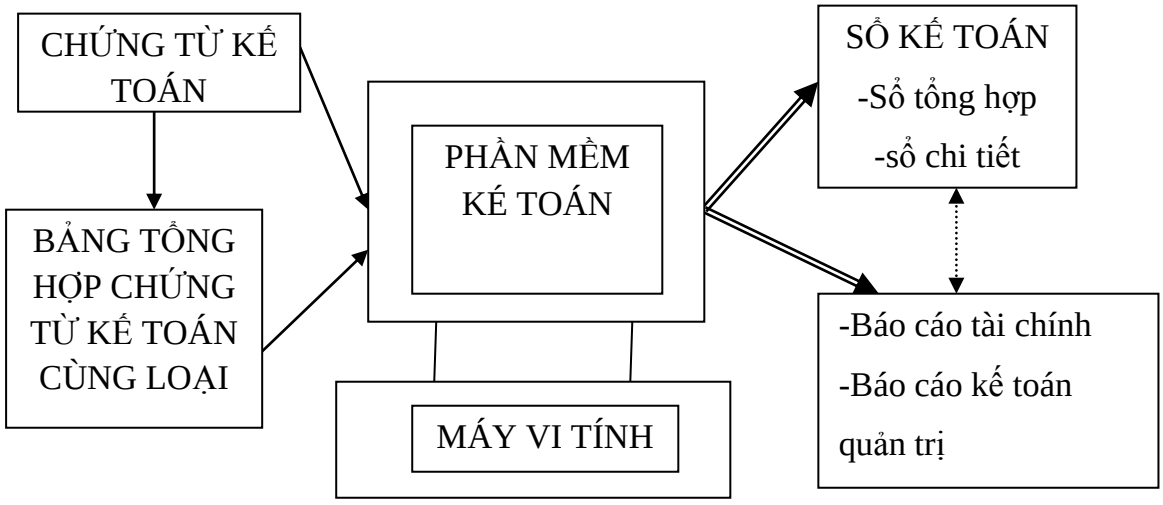

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Tên CSKD : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Tên giao dịch tiếng Anh : RED SEA SHIPPING JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt :R.S.S.CO

Địa chỉ : Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại : 031.3720866

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải được thành lập năm 2008 với hội đồng cổ đông sáng lập :

Stt	Tên cổ đông sang lập	Nơi ĐKHK thường trú	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị CP (tr/đ)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số CMND
1	Bùi Mạnh Tiến	Tiên Lãng, Hải Phòng	Phổ thông	55.500	5.550,00	61,67	030923616
2	Ngô Toàn Thắng	Ngô Quyền Hải phòng	Phổ thông	4.500	450,00	5,00	030242375
3	Nguyễn Xuân Dương	Ngô Quyền Hải phòng	Phổ thông	30.000	3.000,00	33,33	030034991

Trong những năm đầu thành lập Công ty luôn gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh với những công ty lớn mạnh trong và ngoài nước. Công ty chưa nhận được sự tín nhiệm của khách hàng nên các hợp đồng chạy tàu, buôn bán xăng dầu vẫn còn rất ế ẩm. Đó là những bước đi chậm chạp đầu tiên mở ra sự thành công sau này cho công ty.

Đến tháng 11 năm 2010 công ty nhanh chóng phát triển về quy mô, đầu tư phát triển đội tàu vận tải. Trong giai đoạn này công ty định hướng đầu tư tàu có trang thiết bị với công nghệ hiện đại, sức chở lớn hơn, thuê được những tàu có độ tuổi trẻ và tăng tải trọng của đội tàu. Cùng với việc phát triển đội tàu công ty còn mở rộng kinh doanh các loại dịch vụ hàng hải mới như cung ứng thuyền viên, đào tạo nâng cao nghiệp vụ hàng hải, nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật... Đưa một đơn vị vận tải đơn thuần trở thành một công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực.

Giai đoạn năm 2011 công ty tiếp tục phát triển và củng cố thị phần vận tải và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu trong nước, đổi mới và hoàn thiện phương thức kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực đào tạo hình thành đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ năng động hiệu quả, đội ngũ thuyền viên phù hợp với yêu cầu công việc. Công ty phát triển và xây dưng được cơ sở và kho bãi rộng lớn. Đảm bảo được lượng xăng dầu luôn được bảo quản tốt, đủ cung cấp cho thị trường.

Trong những năm qua Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải luôn khắc phục mọi khó khăn, tích cực nghiên cứu, áp dụng nhiều công nghệ mới hiện đại vào trong công việc, đảm bảo chất lượng và tiến độ, đời sống của cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao. Thu hút lượng lao động tăng hơn, thu nhập của người lao động được cải thiện và nâng cao, các chế độ đối với người lao động luôn được đáp ứng đầy đủ thoả mãn ngày càng cao hơn nhu cầu của người lao động.

Bộ máy kế toán hợp lý, phù hợp với khối lượng công tác kế toán, đã nhanh chóng áp dụng phương pháp kế toán linh hoạt và chính xác. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được lập chứng từ đầy đủ, ghi chép kịp thời, phản ánh đúng tình trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

a) Hình thức sở hữu

Mang hình thức công ty cổ phần: Công ty cổ phần là một thể chế kinh doanh, một loại hình doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển bởi sự góp vốn của nhiều cổ đông. Trong công ty cổ phần, số vốn điều lệ của công ty được chia nhỏ

thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Các cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần được gọi là cổ đông. Công ty cổ phần là một trong loại hình công ty căn bản tồn tại trên thị trường và nhất là để niêm yết trên thị trường chứng khoán.

b) Lĩnh vực kinh doanh

- Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán xăng dầu.

- Dịch vụ vận tải biển, vận tải đường thủy nội địa, dịch vụ đại lí tàu biển.

- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải.

- Bên cạnh đó công ty có kinh doanh vật tư thiết bị hàng hải như tôn tấm, thép tấm, các thiết bị tàu thuyền...phục vụ công tác đi biển.

- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng và quản lí lao động đi làm việc ở nước ngoài).

- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ hàng hải, nâng cao tay nghề cho công nhân kĩ thuật.

- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.

- Đóng tàu và thuyền.

- Môi giới hàng hóa (không bao gồm môi giới tài chính, bất động sản, chứng khoán bảo hiểm).

- Hoạt động của các trung tâm. Đại lí tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm.

- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

- Phá dỡ, gia công cơ khí.

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được trong công ty.

a) Thuận lợi

- Lợi thế của công ty là lòng tin, là chữ tín đối với bạn hàng. Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm.

- Các khách hàng đã hợp tác với Công ty đều trở thành bạn hàng truyền thống bởi họ luôn nhận được sự cung cấp dịch vụ hoàn hảo từ Công ty và Công ty luôn hiểu rõ bạn hàng của mình.

- Về thực hiện nội quy, kỷ luật trong công ty hầu hết cán bộ công nhân viên đều chấp hành tốt, thực hiện đoàn kết nội bộ tốt, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những cá nhân vô tổ chức kỷ luật ra khỏi tập thể, kỷ luật đúng người, đúng sai phạm đã gây nên. Chính vì thế mà mọi người đều phấn khởi tận tâm tận lực, tất cả vì tập thể, tin tưởng vào ban lãnh đạo của công ty.

b) Khó khăn

Về phía công ty

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nên Công ty có những khó khăn sau:

- Thực lực về quy mô nhỏ, không thể cạnh tranh trực tiếp được với doanh nghiệp lớn.
- Thiếu vốn(vốn điều lệ ban đầu chỉ có 9 tỷ)
- Lực lượng cán bộ và quản lý mỏng, thiếu nhân tài do chưa đủ khả năng tài chính để thu hút thêm nhân công và 1 số cán bộ có trình độ hay bị các doanh nghiệp lớn lôi kéo.
- Chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp cùng ngành nghề ngay trên địa bàn Hải Phòng.
- Sự quan tâm của ban lãnh đạo còn nhiều thiếu sót như chưa động viên kịp thời và sâu sát hơn để nắm được tâm tư nguyện vọng của công nhân viên nhất là thế hệ trẻ, dẫn đến một số người lao động không thiết tha và xin chấm dứt HĐLĐ.
- Tinh thần trách nhiệm vì công việc chưa cao, ý thức tổ chức kỷ luật kém, chưa làm hết sức mình vì tập thể, chưa để tâm vào công việc (nhất là đối với thế hệ trẻ).
- Trình độ ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên kết toán còn chưa đạt yêu cầu.

Về yếu tố bên ngoài

Rủi ro về nguyên vật liệu;

Hiện nay, tình hình vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, không chỉ vì áp lực giá cước mà còn vì sự biến động không ngừng của thị trường nhiên liệu. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực

vận chuyển, nên kết quả sản xuất kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn từ xăng dầu nên những biến động của giá dầu thế giới tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Rủi ro về thị trường;

Do sự khủng hoảng kinh tế trên thế giới năm vừa qua nên khối lượng hàng hoá xuất nhập khẩu giữa các nước giảm dẫn đến nhu cầu về vận chuyển giảm. Việc gia nhập WTO cũng sẽ làm xu thế giá dịch vụ hàng hải sẽ giảm do các công ty vận tải nước ngoài có kinh nghiệm và phương tiện tốt hơn các doanh nghiệp trong nước tạo nên tính cạnh tranh cao. Như vậy, theo xu hướng này, doanh thu và lợi nhuận của công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành sẽ có khả năng bị ảnh hưởng tùy theo mức độ điều chỉnh về giá thành dịch vụ cũng như việc đầu tư để nâng cao chất lượng dịch vụ sau này.

Rủi ro về kinh tế;

Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển là một trong các khâu tạo điều kiện cho hàng hóa được thông thương trên thị trường, phục vụ cho nhiều ngành nghề khác nhau đặc biệt là hoạt động vận chuyển đường dài, chở hàng xuất nhập khẩu giữa các nước vì hơn 80% hàng hoá vận chuyển xuất nhập khẩu thông qua đường biển. Những thay đổi về chính sách và tình hình của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động xuất nhấp khẩu và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này trong đó có Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Trong năm 2011, tình hình xuất khẩu của Việt Nam càng gặp khó khăn hơn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay làm cho tình hình kinh tế của một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tăng chậm lại, ảnh hưởng đến hoạt động chuyên chở hàng hóa. Hơn nữa công ty cũng gặp một số khó khăn khác do tình hình lạm phát của Việt Nam. Tuy nhiên, theo đánh giá của công ty thì với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách của Việt Nam hiện nay, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro đáng ngại đối với hoạt động của công ty. Hơn nữa, doanh nghiệp vẫn có định hướng phát triển riêng cho mình trong ngắn hạn cũng như chiến lược phát triển lâu dài trong tương lai dựa trên các thị trường tiềm năng và ổn định mà công ty đang khai thác.

c) Thành tích đạt được

Nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao về dịch vụ vận tải biển, cùng với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ trong khu vực Châu Á, Công ty đang tích cực đầu tư phát triển trẻ hóa đội ngũ, năng lực vận tải để thỏa mãn nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Với bề dày kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và cam kết chất lượng sản phẩm vận tải an toàn, hiệu quả, công ty đã đang đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành hàng hải Việt Nam đồng thời nhận được sự tín nhiệm từ các khách hàng, đối tác kinh doanh trong và ngoài nước.

Sau đây là bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm là năm 2010 và năm 2011.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	59.257.648.893	23.966.594.561	35.291.054.332	152.1
Tổng LN trước thuế	176.546.366	89.182.360	87.364.006	97.96
Lương BQ đầu người	7.034.147	5.573.897	1.460.250	26.19

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong hai năm qua ta thấy công ty đã làm ăn có lãi hơn rất nhiều. Doanh thu bán hàng năm 2011 tăng gần gấp hai lần năm 2010. Năm 2010 lợi nhuận trước thuế của công ty còn ở mức thấp, nhưng đến năm 2011 đã lãi được 176.546.366 đ. Là do công ty đã khắc phục được mọi khó khăn, được bạn hàng tin cậy, dành được nhiều hợp đồng chạy tàu, bán được nhiều xăng dầu. Khiến cho doanh thu bán hàng tăng vọt. Công ty cũng tin tưởng năm sau sẽ tiếp tục đà phát triển để làm cho công ty lớn mạnh hơn.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Cơ cấu tổ chức của công ty được khái quát theo sơ đồ dưới đây

Sơ đồ 2.1

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI

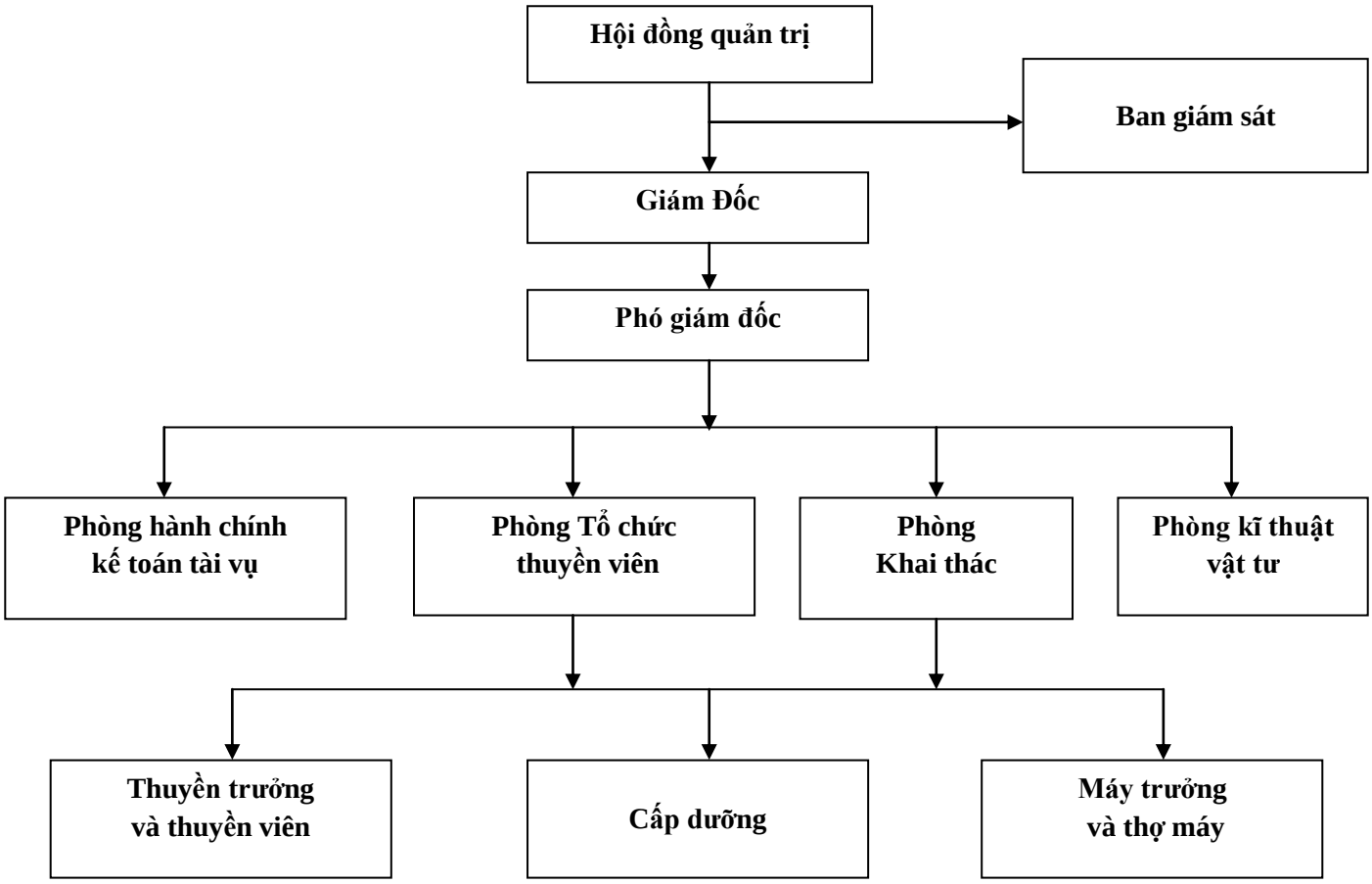

Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí của công ty.

Bộ máy các công ty cổ phần được cơ cấu theo nguyên tắc cơ cấu của tam quyền phân lập nhằm đảm bảo tính chuẩn mực, minh bạch và sự trường tồn của các thể chế này, xuyên qua các biến động và thời gian. Nền tảng và nguyên tắc của các hoạt động của công ty cổ phần chính là nền dân chủ.

Ở đây ta chỉ tìm hiểu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

❖ *Hội đồng quản trị :*

Là cơ quan quản lý công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông. Hội đồng thực hiện chức năng quản lý của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giám đốc thực hiện nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của công ty khác…

❖ *Ban giám sát:*

Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

❖ *Giám đốc :*

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty. Giám đốc là người đứng đầu bộ máy của công ty có nhiệm vụ quyền hạn cao nhất trong công ty toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động công ty. Là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tai điều lệ của công ty, chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý của công ty, giao nhiệm vụ cho các trưởng phòng triển khai, thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

❖ *Phó giám đốc :*

Phụ trách quản lí hoạt động của các phòng ban trong công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật khi giải quyết các công việc được phân công. Phó giám đốc được quyền chủ động điều hành công việc theo đúng chủ trương của lãnh đạo.

❖ *Phòng hành chính kế toán tài vụ:*

➢ Chức năng:

- Tham mưu cho Giám đốc về các khoản phải thu, phải trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị bảo đảm đúng quy định nhà nước và phù hợp với từng loại dịch vụ.

- Tham mưu cho Giám đốc những quy định cụ thể về các nguyên tắc thanh quyết toán tài chính để hướng dẫn cho các phòng, tổ sản xuất thực hiện và quản lý tài chính chặt chẽ, đúng quy định, đạt hiệu quả kinh tế.

- Tham mưu, tư vấn cho Giám đốc sử dụng các nguồn vốn hợp lý, tránh lãng phí, tổn thất đồng thời khai thác tạo thêm nguồn vốn để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Xây dựng biện pháp quản lý và thực hiện giám sát về mặt tài chính đối với các tài sản không cố định và tài sản cố định, đồng thời có kế hoạch chi tiết để khấu hao tài sản cố định đúng quy định. Định kỳ lập các báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

➢ Nhiệm vụ:

- Nhân sự của Phòng phải được đào tạo đúng chuyên ngành. Bảo đảm đoàn kết, giữ bí mật nội bộ về thông tin liên quan đến tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Thường xuyên cập nhật các hướng dẫn pháp luật về tài chính giúp phục vụ tốt cho công tác hạch toán, tài chính kế toán của đơn vị.

- Đáp ứng mọi yêu cầu trong công tác thu, chi tiền tệ đối với từng loại hình dịch vụ theo quy định của nhà nước.

- Đảm bảo đủ nguồn tiền để thanh toán chi phí thường xuyên giúp phục vụ thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lương cho cán bộ công nhân viên đúng kỳ hạn.

- Hướng dẫn, đôn đốc các phòng thực hiện tốt việc thanh toán, quyết toán, thu chi tiền, thống kê kế toán theo quy định. Đề xuất với Giám đốc các biện pháp kiểm tra, xác minh việc thực hiện sai nguyên tắc thu chi tài chính, làm thất thoát hoặc có dấu hiệu tham ô, lãng phí trong các dịch vụ kinh doanh, làm giảm hiệu quả kinh doanh, giảm uy tín của cơ quan.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và báo cáo tài chính theo quy định. Cung cấp, cập nhật các số liệu tài chính, chính xác kịp thời để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác thanh kiểm tra thuế, tài chính… Bảo quản, giữ gìn tốt các loại hóa đơn, chứng từ có liên quan đến tài chính.

- Thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc, trực tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu, lập kế hoạch trang bị mua sắm các thiết bị văn phòng. Chịu trác nhiệm tiếp khách và tổ chức hội nghị trong công ty. Thực hiện các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước, các chế độ quy định về lương thưởng cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng đủ kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu phải trả, cổ tức.

- Thực hiện các hoạt động quản lí nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ. Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính tham mưu cho ban giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính. Kiểm tra việc kiểm kê định kì hằng năm để quản lí điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, xây dựng giá thành, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lí của công ty.

❖ *Phòng kĩ thuật vật tư:*

Tham mưu cho Giám đốc về công tác vật tư, thiết bị: theo dõi tình hình trang thiết bị của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty, lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm, thay thế bổ sung các thiết bị, phương tiện, trực tiếp mua sắm hoặc ủy quyền cho các đơn vị mua sắm một số vật tư, thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, duy tu và dự phòng cho toàn Công ty, tham mưu cho Giám đốc phân phối cho các đơn vị quản lý sử dụng. Xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa lớn các tài sản: đổi mới trang thiết bị, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty.

❖ *Phòng khai thác:*

Tìm kiếm khách hàng, đàm phán, ký kết các hợp đồng thuê tàu chuyến.

- Lập kế hoạch chuyến đi, chỉ định tại các cảng ghé (đối với tàu chuyến).
- Điều động tàu, thực hiện kế hoạch chuyến.
- Đôn đốc khách hàng trả cước, giải quyết các vấn đề sau chuyến đi (thưởng phạt xếp dỡ, cảng phí, thiếu hụt hàng...).
- Đàm phán ký kết, thực hiện các hợp đồng thuê định hạn.
- Các chức năng đối nội: lập báo cáo, kế hoạch kinh doanh, tư vấn lãnh đạo công ty về vấn đề kinh doanh, đầu tư tàu...

❖ *Phòng tổ chức thuyền viên:*

Nắm vững tình hình diễn biến thời tiết trong khu vực tàu sẽ đi qua, lập kế hoạch chuyến đi và vạch hướng đi trên hải đồ có tính toán đầy đủ ảnh hưởng của các điều kiện địa lý, khí tượng - thuỷ văn hàng hải và các yếu tố khác. Kiểm tra việc xếp hàng hoá theo sơ đồ hàng hoá đảm bảo số lượng và chất lượng của hàng hoá. Đặc biệt, chú ý bốc dỡ và vận chuyển hàng rời, hàng nguy hiểm trên tàu; tận dụng dung tích và trọng tải của tàu nhưng phải đảm bảo tính ổn định của tàu.

❖ *Thuyền trưởng và thuyền viên*:

Nhận nhiệm vụ chuyên chở hàng hóa đi các nước. Thuyền trưởng chỉ trực tiếp lái tàu và chỉ đạo thuyền viên làm việc trên tàu. Trước mỗi chuyến đi, thuyền trưởng phải có những biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho người, tàu và hàng hoá trên tàu, kể cả vật tư kỹ thuật, nhiên liệu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm của tàu. Kiểm tra việc chuẩn bị hải đồ, các tài liệu hàng hải khác liên quan đến toàn bộ chuyến đi của tàu.

❖ *Máy trưởng*:

Là người chịu trách nhiệm sửa chữa vận hành máy móc trên tàu. Khi có hỏng hóc hay cần bảo hành thì chỉ huy và cùng thợ máy sửa chữa. Thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị, vệ sinh buồng máy, nơi làm việc, tiếp nhận phụ tùng, vật tư. Sử dụng máy móc, thiết bị cứu hoả, cứu sinh, phòng độc, chống nóng, chống khói, lọc nước biển, dầu mỡ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy trình, quy phạm.

Tổ chức cho thuyền viên bộ phận máy và điện kịp thời khắc phục sự cố và hư hỏng của máy móc, thiết bị; duy trì đúng chế độ bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên, đột xuất và định kỳ đối với máy móc, thiết bị; đề xuất kế hoạch sửa chữa định kỳ các máy móc, thiết bị thuộc bộ phận mình phụ trách và tiến hành kiểm tra kết quả sửa chữa; duyệt dự toán cung cấp vật tư kỹ thuật, nhiên liệu do các sỹ quan máy và điện đề xuất; đồng thời, theo dõi việc sử dụng, bảo quản vật tư kỹ thuật, nhiên liệu đã được cấp phát.

❖ Cấp dưỡng:

- Tổ chức thực hiện các công việc của nhà bếp và trực tiếp chuẩn bị bữa ăn hàng ngày cho thuyền viên .

- Tổ chức bảo quản và sử dụng lương thực, thực phẩm phục vụ cho sinh hoạt và đời sống thuyền viên .

- Nhận và phân phối lương thực, thực phẩm cho cấp dưỡng chuẩn bị các bữa ăn hàng ngày và chuẩn bị thực đơn, bảo đảm đúng định lượng, hợp vệ sinh;

- Quản lý kho lương thực, thực phẩm, dụng cụ và trang thiết bị nhà bếp.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Kế toán là một bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý kinh tế tài chính của công ty. Có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành kiểm soát các hoạt động kinh tế với tư cách là công cụ quản lý kế toán tài chính. Kế toán gắn liền với hoạt động kế toán tài chính. Kế toán cung cấp các thông tin về kinh tế hiện thực có giá trị pháp lý và có độ tin cậy cao giúp cho công ty trên cơ sở đó đưa ra quyết định phù hợp. Vì vậy kế toán của công ty có vị trí, vai trò rất quan trọng trong hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

Kinh tế càng phát triển thì kế toán ngày càng được coi trọng, giám đốc muốn đưa ra được quyết định về phương hướng phát triển doanh nghiệp một cách đúng đắn phải thông qua kế toán để nắm rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp. Xem xét xem doanh nghiệp có những thuận lợi và khó khăn gì: vốn, lao động khả năng sản xuất kinh doanh,....

Toàn bộ công việc kế toán từ ghi sổ kế toán đến việc tổng hợp báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài vụ.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải được thể hiện theo sơ đồ sau đây :

Sơ đồ 2.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của
Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

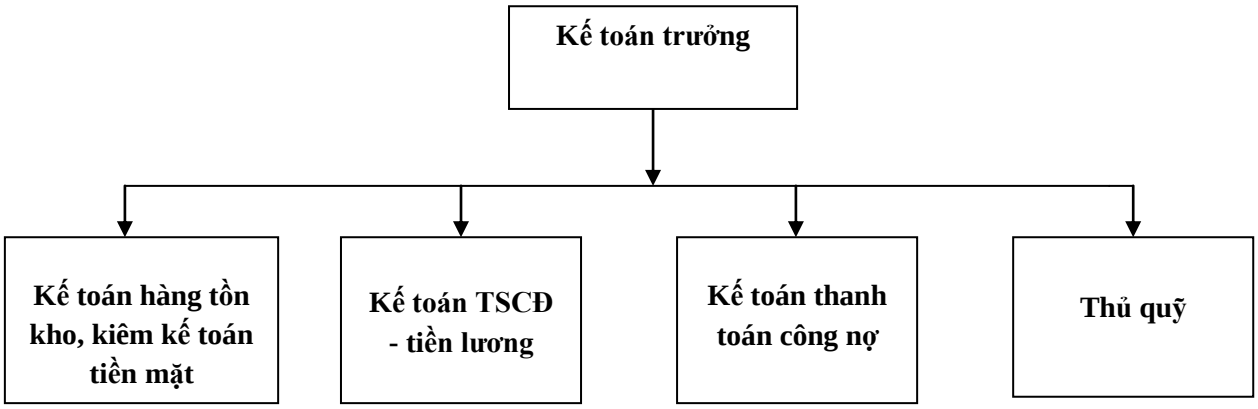

Nhiệm vụ của phòng kế toán tài vụ là thực hiện các hoạt động quản lí nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ. Đồng thời, phòng kế toán tài vụ còn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của công ty một cách đầy đủ chính xác nhất, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

❖ *Kế toán trưởng*:

Phụ trách chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Là kiểm soát viên kinh tế tài chính. Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho ban lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc và giám sát bộ phận kế toán dưới các đơn vị.

❖ *Kế toán TSCĐ*:

Quản lý, kiểm kê, đánh giá TSCĐ của doanh nghiệp. Trích khấu hao tài sản cố định. Mở sổ theo dõi tình hình biến động của TSCĐ. Xử lý các phát sinh liên quan

đến tiền mặt, gồm tính toán số liệu, xem xét chứng từ đủ điều kiện, đúng hay sai. Sau khi xem xét hợp lý kế toán định khoản và hạch toán trên sổ.

❖ *Kế toán thanh toán công nợ*:

Làm nhiệm vụ ghi chép, theo dõi tình hình nợ của công ty. Xác định các khoản phải trả nợ ngắn hạn, dài hạn, các công nợ của công ty khác đối với công ty mình. Kiêm nhiệm vụ đòi nợ cho công ty.

❖ *Kế toán tiền lương*:

Hàng tháng căn cứ vào kết quả hoạt động của các phòng ban bộ phận và đơn giá tiền lương, hệ số cấp bậc của từng người lao động để tính thu nhập cho từng người. Tính tổng tiền lương, các khoản thu nhập khác của cán bộ công nhân viên và phân bổ cho các đối tượng sử dụng.

Tính và trích các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

Lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận, phòng ban, phân xưởng trong công ty.

❖ *Thủ quỹ:*

Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định. Bảo quản lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán ghi sổ.

Cung cấp thông tin kịp thời cho kế toán trưởng để làm cơ sở cho việc kiểm soát điều chỉnh vốn bằng tiền, từ đó đưa ra những quyết định thích hợp cho hoạt động quản lí tài chính của công ty.

❖ *Kế toán hàng tồn kho*:

- Quản lý kiểm kê tình hình nhập-xuất-tồn của hàng hoá trong kho.
- Lập các phiếu nhập kho, xuất kho .

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 31/12/2011.

- Hiện nay, công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : bình quân cả kỳ dự trữ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Về tài sản cố định, công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

* *Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả*:

Chi phí phải trả : Được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán số 16 – "Chi phí đi vay", các khoản trích trước vào chi phí SXKD phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ theo chuẩn mực số 01 – "Chuẩn mực chung".

- Chi phí sửa chữa lớn : Theo kế hoạch sửa chữa lớn hằng năm

- Chi phí bảo hành sản phẩm : Được ghi nhận sau ngày giao sản phẩm có bảo hành và chỉ được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn.

- Ghi nhận các khoản chi phí trả trước: Được thực hiện theo chuẩn mực số 05 – "Bất động sản đầu tư", Chuẩn mực số 06 – "Thuê tài sản", chuẩn mực số 10 – "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và chuẩn mực số 16 – "Chi phí đi vay"

* *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả* :

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả : Theo chuẩn mực số 18 – "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng" quy định và theo chế độ tài chính hiện hành.

- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả : Cuối niên độ kế toán, các khoản phải trả được lập thêm nếu số chênh lệch lớn hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước hay bị hoàn nhập nếu số chênh lệch nhỏ hơn. Việc lập dự phòng phải trả theo quy định của chuẩn mực kế toán và cơ chế quản lý tài chính.

* *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái* :

- Ghi nhận chênh lệch theo tỷ giá thời điểm tại ngân hàng giao dịch

- Ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính và thực hiện theo chuẩn mực số 10 – "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu*:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính áp dụng theo quy định của chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác" và chuẩn mực số 01 – "Chuẩn mực chung".

- Nguyên tắc ghi nhận : Các khoản thu thương mại được ghi nhận khi xác định doanh thu theo chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác", đối với các khoản thu khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh.

2.1.5.3 Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng

Công ty chỉ áp dụng một hình thức sổ kế toán là: Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật kí mà trọng tâm là sổ Nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật kí chung gồm các loại sổ sau:

- Sổ Nhật kí chung, sổ Nhật kí đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3 Trình tự Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí chung

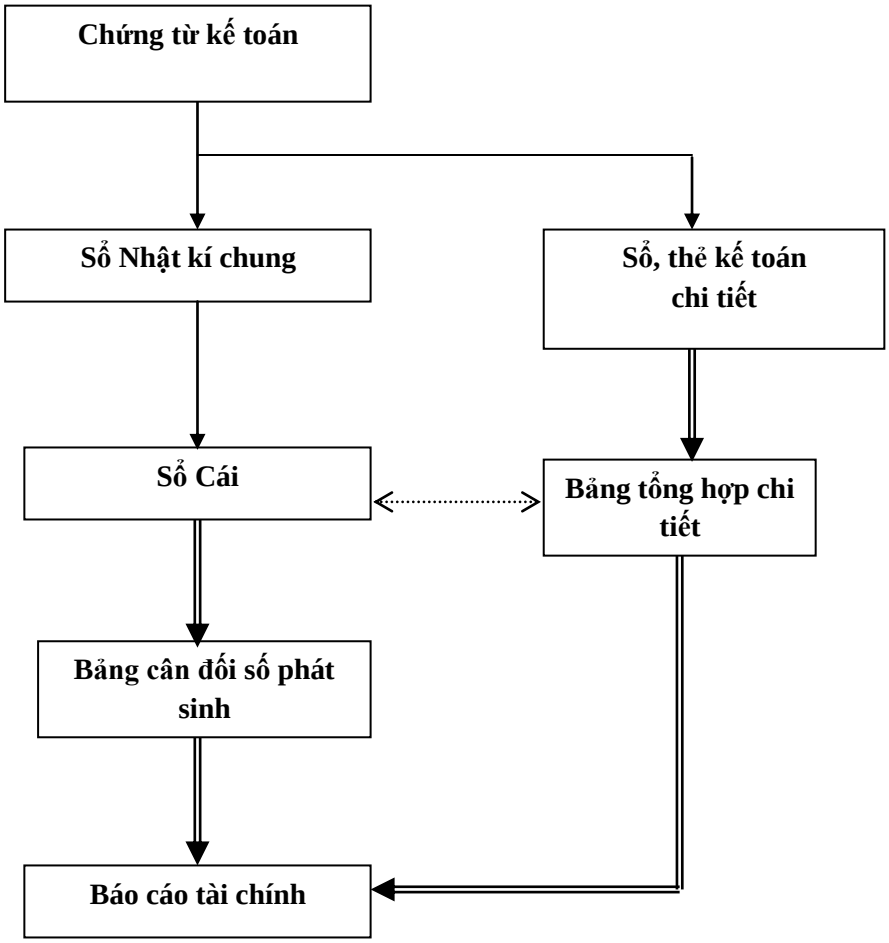

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kỳ

Quan hệ đối chiếu

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật kí chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Từ các chứng từ kế toán, kế toán chi tiết cùng tiến hành vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng, cuối quý, năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra khớp đúng, số liệu ghi trên Bảng cân đối phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ.

Tiền mặt được lưu trữ vào quản lý tại quỹ của công ty. Tiền mặt tại quỹ của công ty chỉ có Việt Nam Đồng không có ngoại tệ. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt không nhiều và không có giá trị lớn, chủ yếu là các nghiệp vụ tạm ứng, thanh toán lương và các khoản phụ cấp lương, tiền thuê văn phòng. Ngoài ra đối với các khoản thanh toán cho nhà cung cấp và khách hàng với số tiền không lớn hoặc các hợp đồng kinh tế nhỏ lẻ, Công ty cũng sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Các nghiệp vụ tiền mặt luôn được ghi chép phản ánh hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh những khoản thu, khoản chi xuất, nhập quỹ và có thể tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Tiền mặt tại quỹ của công ty luôn giao động trong một khoảng giá trị nhất định để đảm bảo mức tồn quỹ tối ưu nhất. Nhờ vậy công ty luôn chủ động trong quá trình thanh toán và tránh ứ đọng vốn giúp cho vòng lưu chuyển tiền nhanh hơn.

2.2.1.1 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ.

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán căn cứ vào hóa đơn bán hàng (mua hàng) để lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số từng quyển theo thứ tự từ 1 đến n trong một năm. Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh từ số 1 đến số n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác. Sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị đối với phiếu chi), sau đó phiếu thu phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ để thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đồng thời ghi sổ quỹ. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 3 liên. Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc

chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất quỹ phải đóng dấu " đã thu" hoặc "đã chi" và ký tên vào Phiếu thu , Phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ, một liên giao cho người nộp (hoặc người nhận) tiền.

- Phiếu chi được kèm với hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan (Liên 2: giao cho khách hàng).

- Phiếu thu được kèm với hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan (Liên 3: nội bộ).

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

Trong phần hành kế toán vốn bằng tiền tại công ty sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi. (Mẫu số 02 – TT)
- Biên lai thu tiền. (Mẫu số 06 – TT)
- Biên bản kiểm kê quỹ. (Mẫu số 08a – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng. (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán. (Mẫu số 05 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng… (Mẫu số 04 – TT)

❖ Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản TK 111- Tiền mặt tại quỹ để phản ánh tình hình thu, chi tiền mặt tại công ty. Công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán trong giao dịch bằng tiền mặt nên TK 111, công ty không mở tài khoản cấp 2. Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 112,TK 331, TK 141…

2.2.1.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4. Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ

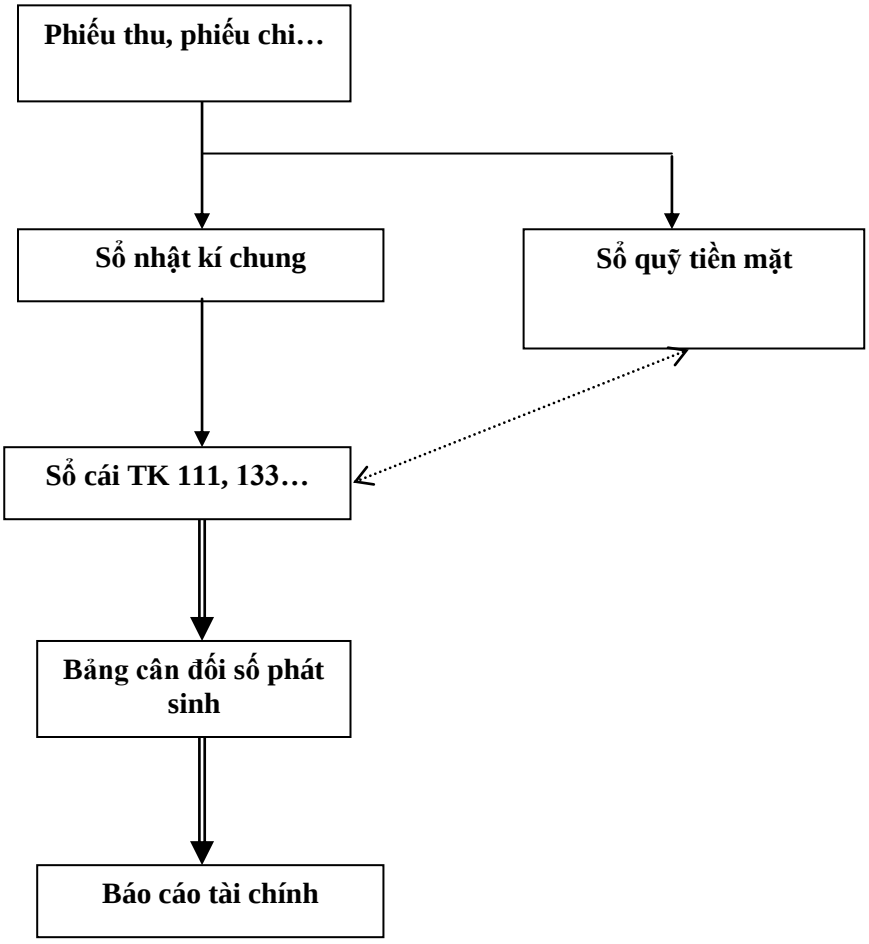

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

Hằng ngày căn cứ vào các Phiếu thu, Phiếu chi… đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật kí chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Từ các chứng từ kế toán, thủ quỹ tiến hành vào sổ quỹ tiền mặt.

Cuối tháng, cuối quý, năm cộng số liệu trên Sổ Cái TK 111,133… lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra khớp đúng, số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Trong tháng 12/2011, Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Một số nghiệp vụ chi tiền mặt tại phòng Tài chính- Kế toán ở Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

VD 1: Ngày 4/12 công ty chi cho anh Vũ Đức Toàn tạm ứng tiền ăn cho quỹ tàu Far East Sun số tiền là 17.500.000 đ.

Anh Vũ Đức Toàn gửi giấy để nghị tạm ứng đã được giám đốc phê duyệt lên phòng Tài chính- kế toán (biểu 2.1) với số tiền là 17.500.000 đ.

Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên, sau đó kế toán lập Phiếu chi số 1104 (biểu 2.2). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau : Nợ TK 141 :17.500.000

Có TK 111 :17.500.000

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.11)

Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111, (biểu 2.12), TK141..

Từ Phiếu chi 1104 thủ quỹ tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. (biểu 2.10)

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán vào Bảng cân đối phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 03 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Hải Phòng, ngày 4 tháng 12 năm 2011

Kính gửi:- Giám đốc công ty

- Trưởng phòng tổ chức thuyền viên

Tôi tên là: Vũ Đức Toàn

Địa chỉ : Phòng Tổ chức thuyền viên

Đề nghị cho tạm ứng Số tiền: 17.500.000 đồng (*Viết bằng chữ*) *Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.*

Lý do tạm ứng: Chi tạm ứng tiền ăn cho thuyền viên tàu Far East Sun

Thời hạn thanh toán: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người ĐN tạm ứng
(Ký, họ tên,đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Biểu 2.1 Giấy đề nghị tạm ứng)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Quyển số.....

Hải phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2011

Số PC 1104
Nợ:141
Có:111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Toàn

Địa chỉ: Phòng Tổ chức tổ chức thuyền viên

Lý do chi: Chi tạm ứng tiền ăn cho thuyền viên tàu Far East Sun

Số tiền: 17.500.000 (*Viết bằng chữ)Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Biểu 2.2 Phiếu chi)

VD 2: Ngày 12/12/2011 Công ty mua máy in Laser sử dụng ngay ở phòng hành chính, thanh toán bằng tiền mặt gồm cả 10% thuế VAT là 16.225.000.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (biểu 2.3) Anh Nguyễn Văn Quyết nhân viên phòng Tài chính- kế toán gửi đề nghị thanh toán đã được giám đốc phê duyệt lên phòng kế toán (biểu 2.4).

Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết Phiếu chi 1109 (biểu 2.5). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau : : Nợ 211 : 14.750.000

Nợ 133 : 1.475.000

Có 111 : 16.225.000

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung (biểu 2.4).

Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111 (biểu 2.12) và Sổ Cái TK 133, 211.

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt (biểu 2.10).

Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT –3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu : AA/11P
Liên 2: Giao khách hàng Số 0000341
Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Đơn vị : Công ty máy tính Hoàng Phát
Địa chỉ: Số 7 lô 28 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản :
Điện thoại: MST:

0	2	0	0	4	0	1	3	6	5				

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Quyết
Tên đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MST:

0	2	0	0	7	8	6	5	6	7				

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy in Laser	Cái	1	14.750.000	14.750.000
				Cộng tiền hàng:	14.750.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.475.000
				Tổng cộng tiền thanh toán:	16.225.000
Số tiền bằng chữ: *Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn*					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.3 Hóa đơn GTGT số 0000341)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 05 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty Cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Tôi tên là: Nguyễn Văn Quyết

Bộ phận: Phòng Tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua máy in.

Số tiền: 16.225.000 đ

(*Viết bằng chữ) Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn*.

(Kèm theo .....chứng từ gốc) Hóa đơn GTGT

Người duyệt	Kế toán trưởng	Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Biểu 2.4 Giấy đề nghị thanh toán)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 19 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Quyển số.....

Hải phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2011

Số PC 1109
Nợ: 211
Nợ 133
Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Quyết

Địa chỉ : Phòng Tổ chức hành chính

Lý do chi : Thanh toán tiền mua máy in.

Số tiền: 16.225.000 đ

(*Viết bằng chữ) Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo 02 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán, HĐ số 0000341

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Biểu 2.5 Phiếu chi số 1109)

Một số nghiệp vụ thu tiền mặt tại phòng Tài chính- Kế toán ở Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

VD 3: Ngày 15/12/2011 Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải bán 1 bộ cơ đề điện cho Công ty CP thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh. Tổng cộng tiền thanh toán 9.515.000 (gồm 10% thuế VAT) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán đã lập Hóa đơn GTGT số AB/11P 0000080. Hóa đơn được lập thành 3 liên.

Liên 1 lưu gốc, liên 2 giao cho khách hàng (hóa đơn đỏ), liên 3 lưu hành nội bộ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (biểu 2.6) kế toán viết Phiếu thu số 1117 (biểu 2.7).

Căn cứ vào Phiếu thu số 1117 (biểu 2.7) kế toán tiến hành vào Sổ nhật kí chung theo định khoản sau : Nợ 111 : 9.515.000

Có 511 : 8.650.000

Có 3331 : 865.000

Sau đó từ sổ Nhật ký chung (biểu 2.11) tiến hành vào Sổ Cái tài khoản 111. (biểu 2.12). TK 511, TK 3331

Thủ quỹ tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. (biểu 2.10).

Từ Sổ Cái tiền mặt và các tài khoản có liên quan kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu:AB/11P
Liên 3: Nội bộ Số:0000080
Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công tycổ phần vận tải biển Hồng Hải..…….
Mã số thuế: 0200786567
Địa chỉ: Số 49 Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng……..
Số tài khoản: 021.01.01.007457.2 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Hồng Bàng
Điện thoại: 031.3720866

Họ tên người mua hàng: ……..
Tên đơn vị: Công ty CP thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh……..
Địa chỉ: Số 29 tầng 3 Trần Quang Khải, TT Núi Đèo, Thủy Nguyên, HP……
Số tài khoản: …….
Hình thức thanh toán: …TM…….
MS: 0 2 0 1 1 7 7 4 6 2

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Cơ đề điện	Bộ	1	8.650.000	8.650.000

Cộng tiền hàng : 8.650.000

Thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT: 865.000

Tổng cộng tiền thanh toán: **9.515.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Chín triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng. /.*

Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Biểu 2.6 Hóa đơn GTGT số 0000080)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Quyển số.....

Hải phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số PT 1117
Nợ:
Có:

Họ tên người nộp tiền: Trần Văn Bình

Địa chỉ: Công ty CP thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh

Lý do nộp: Nộp tiền bộ cơ đề điện.

Số tiền: 9.515.000

(*Viết bằng chữ) Chín triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Chín triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Biểu 2.7 Phiếu thu số 1117)

VD 4: Ngày 18/12/2011 Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải bán 2 máy bơm nước ngọt dầu máy cho công ty Phú Cường Thịnh. Tổng cộng tiền thanh toán 14.454.000 đ (gồm 10% thuế VAT) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán đã lập Hóa đơn GTGT số AB/11P 0000084. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên.

Liên 1 lưu gốc, liên 2 giao cho khách hàng (hóa đơn đỏ), liên 3 lưu hành nội bộ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (biểu 2.8) kế toán viết Phiếu thu số 1121 (biểu 2.9).

Căn cứ vào Phiếu thu số 121 (biểu 2.9) kế toán tiến hành vào sổ Nhật kí chung theo định khoản sau : Nợ 111 : 14.454.000

Có 511 : 13.140.000

Có 3331 : 1.314.000

Sau đó từ sổ Nhật ký chung tiến hành vào Sổ Cái tài khoản 111. (biểu 2.12). TK 511, TK 333.

Thủ quỹ tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. (biểu 2.10).

Từ Sổ Cái tiền mặt kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu:AB/11P
Số:0000084

Đơn vị bán hàng: Công tycổ phần vận tải biển Hồng Hải..…….
Mã số thuế: 0200786567
Địa chỉ: Số 49 Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng……..
Số tài khoản: 021.01.01.007457.2 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Hồng Bàng
Điện thoại: 031.3720866

Họ tên người mua hàng: ……..
Tên đơn vị: Công ty CP thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh……..
Địa chỉ: Số 29 tầng 3 Trần Quang Khải, TT Núi Đèo, Thủy Nguyên, HP ……
Số tài khoản: …….
Hình thức thanh toán: …TM…….
MS: 0 2 0 1 1 7 7 4 6 2

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy bơm nước ngọt dầu máy	Cái	2	6.570.000	13.140.000

Cộng tiền hàng : 13.140.000

Thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT: 1.314.000

Tổng cộng tiền thanh toán: **14.454.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Mười bốn triệu bốn trăm lăm mươi tư nghìn đồng chẵn /.*

Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Biểu 2.8 Hóa đơn GTGT số 0000084)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Quyển số.....

Hải phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2011

Số PT 1121
Nợ:
Có:

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thúy Nga

Địa chỉ : Công ty CP thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh

Lý do nộp: Nộp tiền mua máy bơm nước ngọt dầu máy.

Số tiền : 14.454.000

(*Viết bằng chữ) Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Biểu 2.9 Phiếu thu số 1121)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S07 – DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ quỹ tiền mặt

Loại quỹ : Tiền Việt Nam

(Trích tháng 12 năm 2011)

Ngày Chứng từ	Số chứng từ	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1/12/2011	……	……..	…….	……..	147.142.563
4/12/2011	PC 1104	Chi tạm ứng tiền ăn cho thuyền viên tàu Far East Sun		17.500.000	49.642.563
4/12/2011	PC 1105	Trả tiền thuê văn phòng		13.500.000	36.142.563
	……..	…….	……	……..	……..
12/12/2011	PC 1109	Chi tiền mua máy in		16.225.000	19.917.563
	……	……	……	……..	
15/12/2011	PT 1117	Thu tiền bán 2 bộ cơ đề điện	9.515.000		42.156.322
……	……..	……	……..	……	……
18/12/2011	PT 1121	Thu tiền bán máy bơm nước ngọt dầu máy.	14.454.000		56.610.322
18/12/2011	PC 1118	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào NH		50.000.000	6.610.322
...	**....**	…….	…….	……..	…….
		Cộng	507.234.840	498.789.216	155.588.187

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.10 Sổ quỹ tiền mặt)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÍ CHUNG

(trích tháng 12 năm 2011)

Từ 01/12/2011 Đến ngày 31/12/2011

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			……			
4/12/ 2011	PC 1104	4/12/2011	Chi tạm ứng quỹ tàu cho thuyền viên tàu Far East Sun	141 111	17.500.000	 17.500.000
4/12/ 2011	PC 1105	4/12/2011	Trả tiền thuê văn phòng tháng 11	642 111	13.500.000	 13.500.00
			…….			
12/12 /2011	PC 1109	12/12/201 1	Chi tiền mua máy in	211 133 111	14.750.000 1.475.000	 16.225.000
15/12 /2011	PT 1117	15/12/201 1	Thu tiền bán bộ cơ đề điện.	111 511 3331	9.515.000	 8.650.000 865.000
17/12 /2011	PC 1115	17/12/201 1	Thanh toán tiền hàng	156 133 111	6.330.000 633.000	 6.963.000
18/12 /2011	PT 1121	18/12/201 1	Thu tiền bán 2 máy bơm nước ngọt dầu máy	111 511 3331	14.454.000	 13.140.000 1.314.000
			…….	….	……..	……
			Cộng phát sinh tháng		27.784.564.119	27.784.564.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Biểu 2.11 Sổ Nhật ký chung lần 1)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 111 - Tiền mặt
(trích tháng 12 năm 2011) ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
	1/12/2011	Số dư đầu kỳ		147.142.563	
		Phát sinh trong tháng:			
		.....	.....	.....	.....
PC 1104	4/12/2011	Chi tạm ứng tiền ăn tàu Far East Sun	141		17.500.000
PC 1105	4/12/2011	Trả tiền thuê văn phòng tháng 11	642		13.500.000
		…….			
PC 1109	12/12/2011	Chi tiền mua máy in	211 133		14.750.000 1.475.000
PT 1117	15/12/2011	Thu tiền bán bộ cơ đề điện	511 3331	8.650.000 865.000	
PT 1121	18/12/2011	Thu tiền bán máy bơm nước ngọt dầu máy.	511 3331	13.140.000 1.314.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng phát sinh:		507.234.840	498.789.216
		Số dư cuối kỳ:		155.588.187	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.12 Sổ Cái)

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng cũng giống như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty chỉ gồm tiền Việt Nam Đồng, không có ngoại tệ. Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Hàng Hải, ngân hàng Techcombank, ngân hàng Sài Gòn thương tín Sacombank.

Hầu hết các nghiệp vụ thanh toán của công ty được thực hiện qua ngân hàng như các nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp, thanh toán cho khách hàng, thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước, với các tổ chức, với cơ quan BHXH…

Tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải, kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng của công ty đều căn cứ vào các chứng từ như : Giấy báo Nợ, giấy báo Có, lệnh chuyển hoặc sao kê của ngân hàng kèm theo chứng từ gốc như Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyển khoản…

Khi nhận được giấy báo của ngân hàng, kế toán tiền gửi ngân hàng phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch phải báo với ngân hàng để đối chiếu xác minh. Sau khi đã đối chiếu hợp lý, kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ, lệnh chuyển có của ngân hàng để ghi sổ chi tiết tài khoản tiền gửi và lập Báo cáo thu chi tiền gửi ngân hàng.

2.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán.

- Đối với những nghiệp vụ làm tăng giảm tiền gửi ngân hàng căn cứ vào những chứng từ gốc như Giấy đề nghị vay tiền, Giấy đề nghị thanh toán… đã được giám đốc công ty và kế toán trưởng ký duyệt kế toán ngân hàng sẽ lập các Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyển khoản… sau đó chuyển các chứng từ này cho ngân hàng sau khi đã trình cho giám đốc và kế toán trưởng ký sau khi nhận được giấy báo Có, Nợ của ngân hàng, kế toán ngân hàng tiến hành ghi sổ chi tiết Tiền gửi ngân hàng, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp ghi sổ tổng hợp. Kế toán ngân hàng chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ sổ chứng từ này.

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ.
- Giấy báo có.
- Ủy nhiệm chi
- Ủy nhiệm thu.
- Sổ phụ ngân hàng.
- Séc chuyển khoản…

❖ Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về các khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản TK 1121.

TK 112101 : Tiền gửi ngân hàng VNĐ - Hàng Hải

TK 112102 : Tiền gửi ngân hàng VNĐ - Techcombank

TK 112103 : Tiền gửi ngân hàng VNĐ - Sacombank

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như TK 111, TK 131, TK 515, TK 635…

2.2.2.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5. Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng

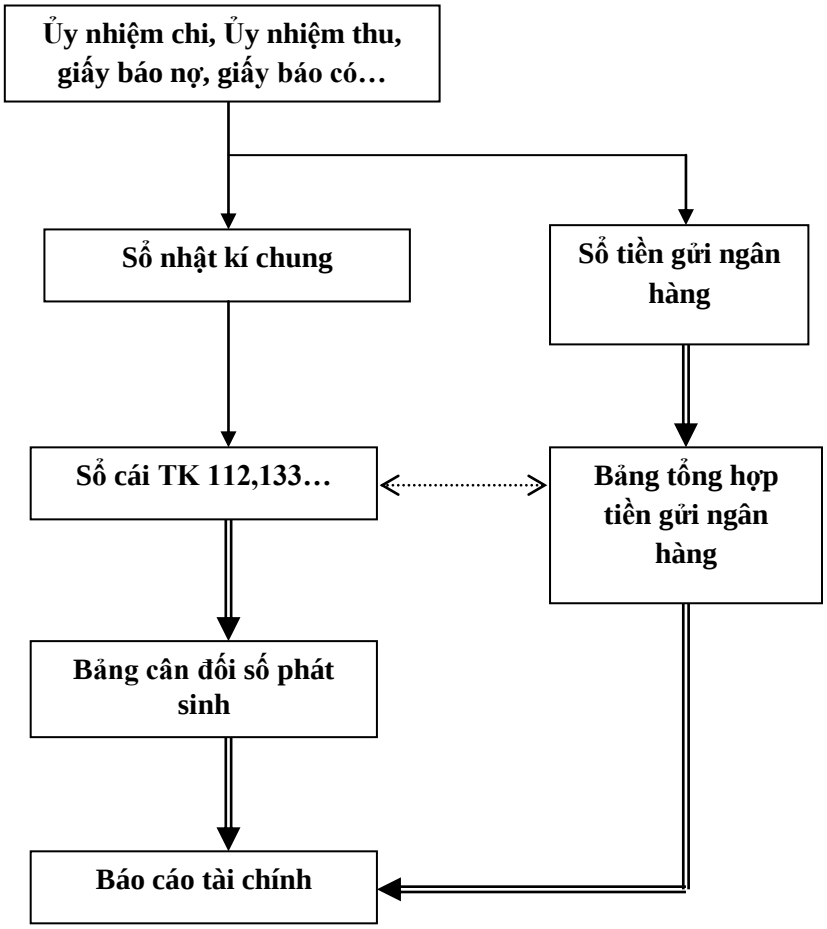

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo Nợ, lệnh chuyển có của ngân hàng, bản sao kê chi tiết tài khoản, kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết theo từng ngân hàng. Từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái TK 112 và các tài khoản liên quan.

- Cuối tháng từ Sổ Cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Trong tháng 12/2011, Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền gửi ngân hàng. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

VD 1: Ngày 3/12/2011 Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân Hàng Hàng Hải .

Kế toán nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng tiến hành viết Phiếu chi (biểu 2.13).

Sau khi có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền, kế toán tiền gửi ngân hàng (đại diện cho Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải) sẽ nhận từ thủ quỹ và đem đến Ngân hàng Hàng Hải. Tại ngân hàng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng, người kế toán tiền gửi ngân hàng của công ty sẽ sử dụng Giấy nộp tiền (biểu 2.14) và Phiếu chi để ghi sổ sách.

Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung theo định khoản sau:

Nợ TK 112 : 150.000.000

Có TK 111 : 150.000.000

Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái tài khoản 112 (biểu 2.25), TK 111. Kế toán tiền gửi ngân hàng sẽ vào sổ Tiền gửi ngân hàng Hàng Hải. Cuối kỳ căn cứ vào sổ theo dõi tiền gửi,lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Quyển số.....

Hải phòng, ngày 03 tháng 12 năm 2011

Số PC 1102
Nợ:1121
Có:1111

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Nộp tiền mặt vào ngân hàng

Số tiền : 150.000.000

(*Viết bằng chữ) Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn.*

Kèm theo …… chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Biểu 2.13 Phiếu Chi số 1102)

MARITIME BANK
HAI PHONG

Liên 2/ Copy 2
Số/ No 1413 Giao người nộp
Depositors copy

GIẤY NỘP TIỀN
Cash Deposit Slip
Ngày/Date: 03/12/2011

Tài khoản có/ Credit A/C No: 102010000801599
Tên tài khoản/ Accont name: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Số tiền bằng chữ/ Inword: Một trăm năm mươi triệu đồng.
Người nộp tiền/ Deposted by: Phạm Huy Hùng
Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán
Tại ngân hàng/ with bank: MARITIME BANK HAI PHONG.
Nội dung nộp/ Remarks: Nộp vào tài khoản.

Số tiền bằng số (Amount in figures)
150.000.000

Người nộp tiên	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
Depositors signature	Teller	Supervisior

(Biểu 2.14 Giấy nộp tiền)

VD 2:. Ngày 22/12/2011, Công ty nhận tiền thanh toán tiền dầu của Công ty TNHH Việt Đức số tiền 840.000.000 đ bằng chuyển khoản qua Ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG.

Ngày 22/12/2011 Công ty nhận được Giấy báo Có số 1723 từ ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG (biểu 2.16) thông báo công ty TNHH Việt Đức trả tiền dầu với số tiền 840.000.000 đ.

Căn cứ vào chứng từ Giấy báo Có kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.

Sau đó kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.24) theo định khoản sau :

Nợ TK 112 : 840.000.000
Có TK 511 : 750.000.000
Có TK 3331: 75.000.000
Có TK 338 : 15.000.000

Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 (biểu 2.25). TK 511,TK 333, TK 338

Sau đó kế toán căn cứ vào Giấy báo có để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (biểu 2.22) để cuối kỳ lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (biểu 2.23).

Từ sổ cái Tiền gửi ngân hàng kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3/001
Ký hiệu:AB/11P
Số:0000087

Đơn vị bán hàng: Công tycổ phần vận tải biển Hồng Hải..…….
Mã số thuế: 0200786567
Địa chỉ: Số 49 Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng……..
Số tài khoản: 021.01.01.007457.2 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Hồng Bàng
Điện thoại: 031.3720866

Họ tên người mua hàng: ……..
Tên đơn vị: Công ty TNHH Việt Đức ……..
Địa chỉ: Phục Lễ, Thủy Nguyên – Hải Phòng ……
Số tài khoản: …….
Hình thức thanh toán: …chuyển khoản…….
MS: 0 2 0 0 4 6 6 3 0 2

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Dầu FO	Kg	50.000	15.000	750.000.000
	Phí xăng dầu	Kg	50.000	300	15.000.000
Cộng tiền hàng :					750.000.000
Thuế GTGT :10%		Tiền thuế GTGT:			75.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					**840.000.000**
Số tiền viết bằng chữ: *Tám trăm bốn mươi triệu đông chẵn /.*					

Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người bán hàng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Biểu 2.15 Hóa đơn GTGT số 0000087)

NGÂN HÀNG HÀNG HẢI VIỆT NAM Số 1723

MST 02-00124891-007-1

Chi nhánh MSB Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 22/12/2011

Số tài khoản : 021.01.01.007457.2

Tên tài khoản : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Kính gửi : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mã VAT 0200786567

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Hôm nay tài khoản của quý khách đã được ghi có số tiền như sau:

Diễn Giải	Số tiền
Số tham chiếu : Số lệnh : Số tiền chuyển : VND 840.000.000 Số tiền ghi có : VND 840.000.000 Nội dung : Thu tiền dầu	VND 840.000.000

Người lập Người kiểm soát

(Biểu 2.16 Giấy báo có)

VD 3: Ngày 17/12/2011, Công ty thanh toán tiền dầu chuyển cho Công ty cổ phần xăng dầu PVOIL Hải Phòng số tiền 985.000.000 đ bằng chuyển khoản qua Ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001462 (biểu 2.17), kế toán công ty gửi Ủy nhiệm chi (biểu 2.18) đến ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG.

Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy báo Nợ (biểu 2.19).

Căn cứ vào các chứng từ : hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

Từ Ủy nhiệm chi kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (biểu 2.22). Đồng thời kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.24). Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 (biểu 2.25), TK 156, 133, 138. Cuối kỳ từ Sổ Cái các tài khoản kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ PVOIL HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 221-223 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
MST: 0201185752

HÓA ĐƠN (GTGT)
Liên 2: Giao người mua
Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AB/11P
Số: 0001462

Khách hàng: ……..
Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải ……..
Địa chỉ: Số 49 Lô 22 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mã số thuế: 0 2 | 0 0 7 8 6 5 6 7 | | | | |

Hình thức thanh toán: ……. Chuyển khoản: ☐ Tiền mặt: ☐

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
	1 Dầu Do o,25 %S	lít	50.000	17.454,55	872.272.273
				Cộng tiền hàng:	872.727.273
Thuế suất GTGT : 10,00…..%				Tiền thuế GTGT:	87.272.727
				Các khoản phí và các khoản phụ thu không chịu thuế:	**25.000.000**
				Tổng cộng tiền thanh toán:	**985.000.000**

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại công ty TNHH MTV in Tài chính – ĐT:04.38362581 – MST: 0100111225

(Biểu 2.17 Hóa đơn GTGT số 0001462)

MARITIME BANK Ngân hàng TMCP Hàng Hải	**ỦY NHIỆM CHI** ***PAYMENT ORDER***	Liên 2: Báo nợ khách hàng Số: 529 Ngày: 17/12/2011
Số tiền(*Amount*): **985.000.000** Bằng chữ(*in words*): Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn . Nội dung(*remark*): Thanh toán tiền dầu.		Phí NH: ☐ Chúng tôi chịu (Charges) ☐ Người hưởng chịu
Người yêu cầu(*applicant*):CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HỒNG HẢI Địa chỉ(*address*):49 Lô 22, Lê Hồng Phong – HẢI PHÒNG Số TK(*A/C No*):021.01.01.007457.2..... Tại NH(*w.Bank*): TMCP Hàng Hải – Hải Phòng	Người hưởng(*beneficiary*): CTY Cổ phần xăng dầu PVOIL HẢI PHÒNG Địa chỉ(*address*):221-223 Văn Cao,Ngô Quyền,HP Số TK(*A/CNo*):0200110074812 Tại NH(*w. Bank*): TMCP Hàng Hải- Hải Phòng Địa chỉ(*address*): HẢI PHÒNG	
Phần dành cho Ngân hàng*(For Bank use only):* 1. MST KHÁCH HÀNG: *(Customer's Tax code)* 2. TỔNG SỐ GHI NỢ: *(Debit Amount)* 3. PHÍ NGÂN HÀNG: *(Charge)* 4. THUẾ GTGT: *(V.A.T)* 5. SỐ TIỀN CHUYỂN: *(Remittance Amount)*	Ký hiệu chứng từ	NGƯỜI YÊU CẦU KÝ, GHI HỌ TÊN ĐÓNG ĐẤU Kế toán trưởng Chủ tài khoản
Giao dịch viên Kiểm soát Giám đốc		Dành cho Ngân hàng người hưởng/Ngân hàng trung gian

(Biểu 2.18 Ủy nhiệm chi)

NGÂN HÀNG HÀNG HẢI VIỆT NAM Số 996

MST 02-00124891-007-1

Chi nhánh MSB Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 17/12/2011

Số tài khoản : 021.01.01.007457.2

Tên tài khoản : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Kính gửi : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mã VAT 0200786567

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Hôm nay tài khoản của quý khách đã được ghi nợ số tiền như sau:

Diễn Giải	Số tiền
Số tham chiếu : Số lệnh : Số tiền chuyển : VND 985.000.000 Số tiền ghi nợ : VND 985.000.000 Nội dung : Trả tiền mua dầu	VND 985.000.000

Người lập Người kiểm soát

(Biểu 2.19 Giấy báo nợ)

VD 4: Ngày 28/12/2011, Công ty thanh toán tiền xăng Varitas 800 SAE 30 chuyển cho Công ty TNHH An Khánh Minh 1.123.932.160 đ bằng chuyển khoản qua Ngân hàng Sacombank.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000067 (biểu 2.20), kế toán công ty gửi Ủy nhiệm chi đến ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG.

Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy báo Nợ (biểu 2.21).

Căn cứ vào các chứng từ : hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

Từ Ủy nhiệm chi kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (biểu 2.22). Đồng thời kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.24). Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 (biểu 2.25), TK 156, 133, 138. Cuối kỳ từ Sổ Cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠNGIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01 GTKT3/001
VAT INVOICE Ký hiệu: AA/11P
Liên 2: Giao cho người mua Số: 0000067
Ngày 28 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH AN KHÁNH MINH ……..
Mã số thuế (tax code) 0305122933
Địa chỉ: Số 1L, Đường Phạm Bành, Khu Phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM……..
Số tài khoản: 0600 0707 8679 tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Hoa Việt TP.HCM
Điện thoại: ……..

Họ tên người mua hàng: ……..
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần vận tải biển Hồng Hải……
Mã số thuế (tax code) 0200786567
Địa chỉ: Số 49, Lô 22 Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng……..
Hình thức thanh toán: …chuyển khoản…….Số tài khoản (Acccoun No) :……

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
01	Varitas 800 SAE 30 Phí xăng dầu 268đ/l	Lít	16.640	61.160	1.017.702.400 4.459.520

Cộng tiền hàng : 1.017.702.400

Thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT: 101.770.240

Tổng cộng tiền thanh toán: **1.123.932.160**

Số tiền viết bằng chữ: *Một tỷ một trăm hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng /.*

Người mua hàng (Buyer) *(Ký, ghi rõ họ tên)*		**Người bán hàng (Seller)** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Biểu 2.20 Hóa đơn GTGT số 0000067)

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PGD LẠCH TRAY

MST: 00200253985-003

Số: FT 1113807289

Ngày 28/12/2011

10:42:53 AM

Số Giao Dịch: 8389

GIẤY BÁO NỢ

TÀI KHOẢN: 31000000140128

TKTGTT VND Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

MÃ VAT 0200786567

SỐ TIỀN	NỘI DUNG:
1.123.932.160VND	Thanh toán tiền xăng

Tổng tiền: 1.123.932.160VND

Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng chẵn.

LẬP PHIẾU ***KIỂM SOÁT***

(Biểu 2.21 Giấy báo Nợ)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mởi tài khoản giao dịch: Ngân hàng MARITIME BANK HAI PHONG

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 1121

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu	Chi	Còn lại
			Số dư đầu kì:				2.348.213.500
			Số phát sinh				
			……	…..			
3/12/2011	GNT 1413/M	3/12/2011	Gửi tiền mặt vào ngân hàng	111	150.000.000		2.514.223.412
			…….	…..			
17/12/2011	UNC529/M	17/12/2011	Thanh toán tiền dầu cho công ty PV Oil	156		872.272.273	1.497.996.332
			Thuế GTGT đầu vào	133		87.272.727	1.410.723.605
			Phí xăng dầu	138		25.000.000	1.385.723.605
			……	…..			
22/12/2011	GBC 1723/M	22/12/2011	Thu tiền của Công ty Việt Đức	511	750.000.000		1.680.114.665
			Thuế GTGT đầu ra	3331	75.000.000		1.755.114.665
			Phí xăng dầu	338	15.000.000		1.770.114.665
			…….	…….			
28/12/2011	GBC 223/T	28/12/2011	Lãi TGNH	515	2.576.334		2.282.083.157
			…….	…….			
			Cộng phát sinh tháng		2.504.604.757	4.786.687.914	
			Số dư cuối kì:				66.130.343

- Sổ này có…. Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang….

- Ngày mở sổ: 01/12/2011

(Biểu 2.22 Sổ tiền gửi ngân hàng)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

STT	Tên ngân hàng	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
1	Maritimebank	2.348.213.500	2.504.604.757	4.786.687.914	66.130.343	
2	Sacombank	1.161.321.546	2.654.142.123	2.520.448.500	1.295.015.169	
3	Techcombank	998.332.603	451.210.889	696.223.392	753.320.100	
	Cộng	4.507.867.649	5.609.957.769	8.003.359.806	2.114.465.612	

(Biểu 2.23 Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÍ CHUNG

(Trích tháng 12 *năm 2011*)

Từ 01/12/2011 Đến ngày 31/12/2011

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			……			
03/12/ 2011	GNT 1413/M	03/12/2011	Xuất quỹ gửi tiền vào ngân hàng	112 111	150.000.000	 150.000.000
03/12/ 2011	PC 1103	04/12/2011	Chi DV viến thông	642 111	632.154	 632.154
			…….			
17/12/ 2011	UNC 529/M	17/12/2011	Thanh toán tiền dầu cho PV Oil	156 133 112	872.272.273 87.272.727	 960.000.000
			Các khoản phí	138 112	25.000.000	 25.000.000
			…….			
22/12/ 2011	GBC 1723/M	22/12/2011	Thu tiền bán dầu của Công ty Việt Đức	112 511 3331	825.000.000	 750.000.000 75.000.000
			Phí xăng dầu	112 338	15.000.000	 15.000.000
			……			
28/12/ 2011	GBN 8389/S	28/12/2011	Thanh toán tiền xăng Varitas bằng chuyển khoản	156 133 112	1.017.702.400 101.770.240	 1.119.472.640
			Phí xăng dầu	138 112	4.459.520	 4.459.520
			……..			
			Cộng phát sinh		27.784.564.119	27.784.564.119

(Biểu 2.24 Sổ Nhật ký chung lần 2)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong,
phường Đông Khê,quận Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 112 - Tiền gửi ngân hàng
(trích tháng 12 năm 2011)

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		4.507.867.649	
		Phát sinh trongtháng:			
		.....			
GNT 1413/M	03/12/2011	Xuất quỹ gửi tiền vào ngân hàng	111	150.000.000	
GBC 1710/M	03/12/2011	Các khoản phải thu	131	69.524.084	
		……			
UNC 529/M	17/12/2011	Thanh toán tiền dầu cho công ty PV Oil Phí xăng dầu	156 133 138		872.272.273 87.272.727 25.000.000
		…….			
GBC 1723/M	22/12/2011	Thu tiền bán dầu của công ty Việt Đức Phí xăng dầu	511 3331 338	750.000.000 75.000.000 15.000.000	
		…….			
GBC223/T	28/12/2011	Thu lãi tiền gửi NH	515	2.576.334	
GBN 8389/S	28/12/2011	Mua xăng Varitas 800 SAE 30 Phí xăng dầu	156 133 138		1.017.702.400 101.770.240 4.459.520
		.....			
		Cộng phát sinh tháng		5.609.957.769	8.003.359.806
		Dư cuối kì		2.114.465.612	

Ngày 31 tháng 12 *năm 2011*

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng)

(Biểu 2.25 Sổ Cái)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI

3.1 Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua biết bao những khó khăn phức tạp để tồn tại cạnh tranh và phát triển. Trong suốt quá trình những năm qua ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách, dần dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu, bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó góp phần không nhỏ mang lại công ăn việc làm cho những người lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

Để có được thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Các cán bộ kế toán nhiệt tình và yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo trong nghiệp vụ đem lại hiệu quả cao trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý tài chính trong Công ty.

Công tác quản lý và hoạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra chiến lược kinh doanh tối ưu.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải:

- **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Do loại hình của công ty là công ty nhỏ cho nên bộ máy kế toán của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải được tổ chức theo hình thức tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Với hình thức này công tác kế toán trong công ty được tổ chức có kế hoạch, xắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán phù hợp với năng lực và trình độ bản thân nên chất lượng công tác kế toán được nâng cao. Tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hóa theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Bên cạnh đó tiện cho việc chỉ đạo của kế toán trường cũng như sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Về chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ**

Phương pháp hạch toán kế toán của Công ty tuân theo chế độ kế toán mới, các chứng từ sổ sách rõ ràng, chính xác, đúng trình tự. Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh phù hợp với yêu cầu thị trường. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu.

Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền kế toán tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ, đóng thành quyển để thuận lợi cho việc kiểm tra, tổ chức hệ thống báo cáo tài chính đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

❖ **Về sổ sách kế toán, hình thức kế toán**

Hiện nay công ty áp dụng hình thức sổ kế toán " Nhật ký chung" hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm kinh doanh Công ty. Hình thức này hạn chế được số lượng sổ sách cồng kềnh, giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời, thuận lợi. Công ty đã tuân thủ đúng quy định của sổ kế toán " Nhật ký chung" gồm các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp các loại sổ kế toán. Kế toán vốn bằng tiền đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu, chi của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ Cái các tài khoản 111 và 112. Các số liệu trên sổ kế toán có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với tình hình nhập xuất hàng hóa, vật tư diễn ra tại Công ty. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, chính xác về tình hình biến động của hàng hóa, tạo sự quản lý và bảo quản tốt cả về số lượng lẫn chất lượng.

❖ **Về cập nhật thông tin**

Ngày nay với sự trợ giúp của máy tính công tác tra cứu thông tin trở nên dễ dàng và thuận tiện. Do vậy công tác kế toán của công ty đã giảm bớt tình hình phức tạp và khối lượng công việc, đảm bào cung cấp thông tin kế toán mới nhất, nhanh chóng nhất, đầy đủ chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu quản lý công ty. Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định, thay đổi mới của Bộ tài chính vào công tác kế toán để cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

❖ **Công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền**

Vốn bằng tiền là tài sản đặc biệt là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Đó là mọi biến động về vốn bằng tiền đều phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ, việc chi tiêu sử dụng vốn bằng tiền đúng mục đích và đúng chế độ.

+ Về kế toán tiền mặt tại quỹ: Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý được kế toán trưởng soát xét và giám đốc phê duyệt có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền…Sau đó mới chuyển cho thủ quỹ làm nhiệm vụ nhập, xuất quỹ. Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi tiêu hợp lý có mục đích rõ ràng.

+ Về kế toán tiền gửi ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng. Tiền gửi được hạch toán chi tiết trên tài khoản 112.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két đảm bảo tính an toàn cao, được thủ quỹ quản lý thu, chi. Thủ quỹ là người có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán, do vậy tránh được tình trạng tham ô, biển thủ công quỹ.

❖ **Về đội ngũ cán bộ nhân viên công ty**

Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ nhiệt tình trong công việc, cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Các nhân viên kế toán luôn làm việc với trách nhiệm cao, thường xuyên học hỏi, tiếp cận và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành.

Đội ngũ cán bộ trong Công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu trong lĩnh vực kinh doanh, nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và

bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Biết vận dụng khéo léo giữa lý thuyết và thực tiễn tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời giảm được khối lượng công việc ghi chép đạt được hiệu quả cao.

Mỗi nhân viên kế toán đều sử sụng thành thạo máy vi tính, ứng dụng tin học văn phòng nên công việc kế toán nhanh chóng , số liệu luôn chính xác. Lãnh đạo ban giám đốc Công ty luôn quan tâm đến các cán bộ nhân viên, nhân viên cũng tin tưởng và hết lòng làm việc, cống hiến cho công ty.

3.1.2 Nhược điểm còn tồn tại về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải:

Bên cạnh những ưu điểm trên, song do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty vẫn còn một số tồn tại sau:

- Công ty còn sử dụng nhiều tiền mặt trong việc trả lương hay thanh toán. Do vậy số lượng tiền tồn quỹ thường rất lớn. Vì vậy việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng chưa được tận dụng một cách triệt để, có nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ ảnh hưởng lớn đến vấn đề thanh toán quỹ. Việc thanh toán lương cho cán bộ công nhân thường dồn vào cuối tháng nên cần một khoản tiền mặt tương đối lớn để chi trả. Điều này có thể ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp. Hơn nữa sẽ làm tiền trong quỹ thiếu hụt khi cần có việc sử dụng.

- Liên quan đến công tác hạch toán kế toán : Mặc dù đã cố gắng rất lớn trong việc giảm bớt khối lượng tính toán và hệ thống sổ sách nhưng việc ghi chép vẫn thực hiện thủ công, máy tính chỉ giúp phần tính toán nên khối lượng công việc mà kế toán làm là rất vất vả và ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Mà trong quá trình hạch toán không tránh khỏi những sai sót nhầm lẫn đáng tiếc dẫn đến ảnh hưởng kết quả kinh doanh của công ty.

- Liên quan đến công tác kiểm kê quỹ : Hiện tại Công ty kiểm kê quỹ một năm một lần do công ty luôn tin tưởng những nhân viên, vì thế khi muốn kiểm tra

đột xuất thì công ty không có số liệu để đối chiếu, kiểm tra kịp thời. Trong công tác quản lý quỹ của Công ty, kế toán chưa sử dụng Bảng kiểm kê quỹ trong việc kiểm kê quỹ định kỳ. Do vậy nhà quản lý không nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với quỹ nên không có cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

- Về hệ thống sổ sách kế toán không sử dụng nhật ký thu tiền và chi tiền nên tất cả nghiệp vụ phát sinh đều hạch toán vào Sổ nhật ký chung. Dẫn đến tình trạng là sổ Nhật ký chung dày đặc, khó theo dõi, khó kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Qua phần thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải có thể thấy được nhìn chung công tác quản lý hạch toán vốn bằng tiền trong công ty là tốt, tuân thủ theo đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề mà em đã nêu ra ở trên, do vậy kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao kết quản kinh doanh.

Là một sinh viên được thực tập tại Công ty, sau một thời gian tìm hiểu về tất cả các phần hành kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán vốn bằng tiền cho phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành.

3.2.1 Công ty nên tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thanh toán qua ngân hàng. Việc thanh toán này sẽ đảm bảo cho quỹ tiền mặt, an toàn cho quá trình vận chuyển.

Trong việc thanh toán lương cho công nhân viên công ty doanh nghiệp có thể sử dụng thẻ ATM. Việc trả lương theo cách này rất thuận lợi là giảm áp lực công việc cho thủ quỹ và kế toán tiền mặt tránh nhầm lẫn, sai sót đáng tiếc và cũng an

toàn hơn. Đảm bảo đồng tiền ra vào nhịp nhàng, tránh được nguy cơ khan hiếm tiền mặt ngay tại thời điểm đó. Hơn nữa việc trả lương đúng hạn tạo niềm tin cho cán bộ nhân viên yên tâm, hăng say nhiệt tình làm việc hơn.

3.2.2 Hoàn thiện về công tác hạch toán kế toán

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kĩ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Công ty nên sử dụng một trong số những phần mềm kế toán hiện đại, dễ sử dụng tiện lợi mà hiệu quả đem lại rất cao. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của con số trong kế toán.

Các phần mềm kế toán như Fast Accounting, Misa, CNS Accounting… giá cả phải chăng mà sử dụng tiện lợi.

3.2.3 Hoàn thiện công tác quản lý quỹ trong công ty

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ trong công tác quản lý, kiểm kê quỹ định kỳ. Việc sử dụng bảng kiểm kê quỹ nhằm giúp xác nhận số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa, số thiếu so với quỹ, trên cơ sở đó tăng cường quản lý và làm cơ sở ghi sổ kế toán chênh lệch. Giúp nhà quản lý có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ.

Các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền tại Công ty diễn ra thường xuyên liên tục. Vì vậy việc kiểm kê quỹ đóng vai trò quan trọng để kiểm tra số tiền đã thu, chi và còn tồn quỹ trong kỳ. Do đó việc sủ dụng Bảng kiểm kê quỹ sẽ giúp cho kế toán có thể liệt kê cụ thể các loại tiền còn tồn quỹ, số tiền còn thiếu hay thừa.

Trước khi tiến hàng kiểm kê, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính ra số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Khi tiến hành kiểm kê khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây thừa thiếu và phải báo cáo với giám đốc doanh nghiệp xem xét và giải quyết. Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai bản : Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

3.2.4 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách kế toán

Ngoài ra công ty nên sử dụng Nhật ký chi tiền, Nhật ký thu tiền sẽ giúp cho kế toán có thể liệt kê các khoản tiền đã thu, chi, làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Mặt khác việc sử dụng Nhật ký chi tiền, Nhật ký thu tiền cũng làm cơ sở để đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt, tránh nhầm lẫn trong việc kê khai các khoản thu, chi liên quan đến tiền mặt.

Qua đó việc quản lý tiền mặt sẽ được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu chi trong kỳ hay muốn theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Dưới đây là mẫu Bảng kiểm kê quỹ và Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền mà Công ty có thể áp dụng:

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: 08a – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào giờ…….ngày…..tháng….năm……

Chúng tôi gồm :

- Ông/Bà……đại diện kế toán.
- Ông/Bà……đại diện thủ quỹ.
- Ông/Bà……đại diện …….

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X	
II	Số kiểm kê thực tế	X	
1	Trong đó – Loại		
2	– Loại		
3	– Loại		
4	–….		
III	Chênh lệch (III= II – I)	X	

- Lý do + Thừa…….
  + Thiếu……

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ…….

Kế toán trưởng	**Thủ quỹ**	**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**
(ký,họ tên)	*(ký,họ tên)*	*(ký,họ tên)*

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03a1 - DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm…

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK …	Ghi Có các TK					
					…	…	…	…	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển trang sau							

- Sổ này có ……trang, đánh số từ trang 01 đến trang…
- Ngày mở sổ……

Ngày…tháng…năm…

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng)

Đơn vị : Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải
Địa chỉ: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê,quận NGô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số: S03a2 - DN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm…

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK …	Ghi Nợ các TK					
					…	…	…	…	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển trang sau							

- Sổ này có ……trang, đánh số từ trang 01 đến trang…
- Ngày mở sổ……

Ngày…tháng…năm…

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền vừa mang lý luận vừa mang tính thực tiễn cao.

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó rất quan trọng. Thông tin do kế toán cung cấp là cơ sở để biết được tình hình sủ dụng các nguồn lực và phản ánh kết quả, hiệu xuất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua công tác kế toán vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh.

Qua đây em xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ, giáo viên hướng dẫn đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn tất bài khóa luận đúng thời hạn. Em xin được gửi lời cảm ơn tới Ban giám đốc, anh chị trong Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải đã hết lòng tạo điều kiện cho em thu thập tài liệu để hoàn thành khóa luận. Với lượng thời gian không phải là dài, và nhất là một sinh viên đang thực tập, lượng kiến thức và hiểu biết còn hạn hẹp nên bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót, rất mong sự góp ý của giáo viên hướng dẫn, các anh chị trong Công ty và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Huy Cường

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính
2) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính
3) Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ – PGS.TS Nguyễn Văn Công
4) Websize : www. webketoan.com.vn
5) Tài liệu, chứng từ sổ sách do Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải cung cấp, số liệu năm 2011.